BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ TÚ TRĨ
HUYỆN BẠCH THÔNG - TỈNH BẮC KẠN

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ TÚ TRĨ
(1945-2015)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

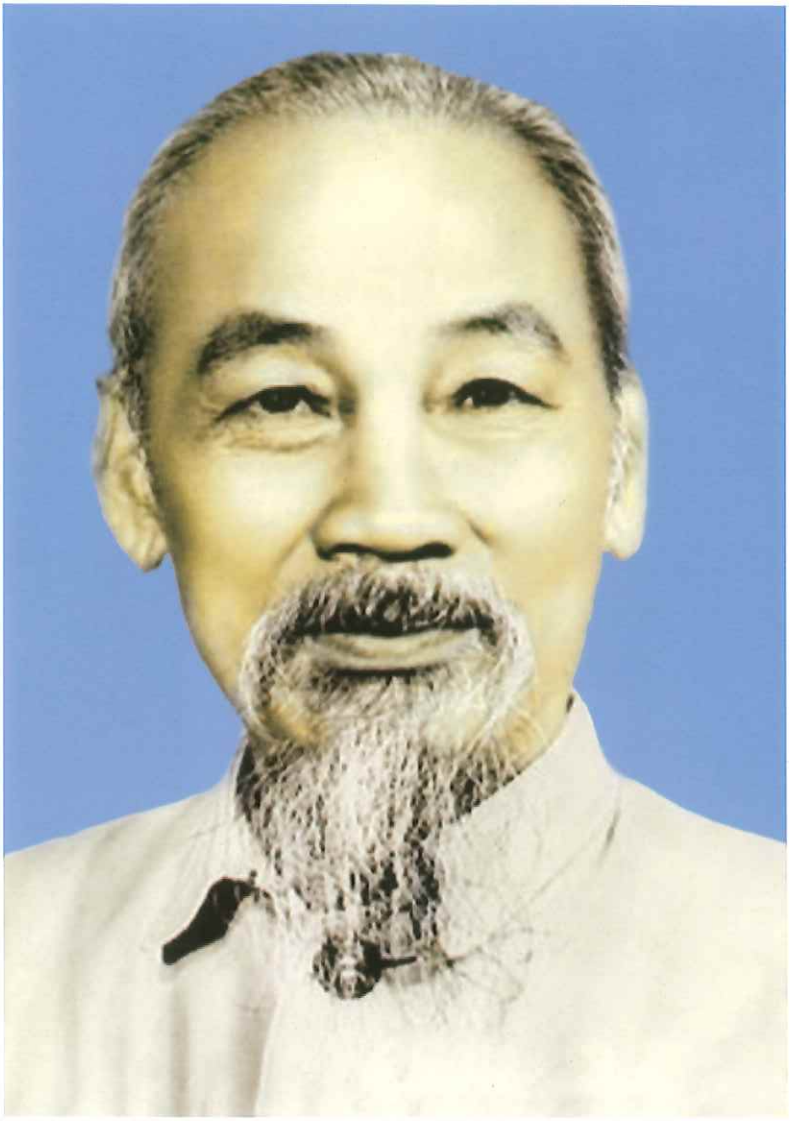

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Đ/c Hoàng Sỹ Bảo
Bí thư Đảng ủy xã - Trưởng ban
Đ/c Hứa Luân Thiêm
Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã- Phó ban
Đ/c Chu Minh Thuyên
Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Phó ban
Đ/c Luân Văn Thắng
Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã - Ủy viên
Đ/c Luân Long Khánh
Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Ủy viên

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

Đ/c Hứa Luân Thiêm
Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã - Trưởng ban
Đ/c Hoàng Thị Ngân
Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã - Phó ban
Đ/c Luân Long Khánh
Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Ủy viên
Đ/c Hà Văn Tạ
Chủ tịch Hội Nông dân xã - Ủy viên
Đ/c Nông Thị Dư
Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ xã - Ủy viên
Đ/c Hoàng Mạnh Hồng
Bí thư Đoàn Thanh niên xã - Ủy viên
Đ/c Lường Đức Trung
Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã - Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Thạc sĩ Lịch sử: **Nguyễn Thanh Hải**

Thạc sĩ Lịch sử: **Đoàn Văn Trường**

Cử nhân Lịch sử: **Lý Đình Hoan**

Cố vấn khoa học: **PGS.TS Phạm Xuân Mỹ**

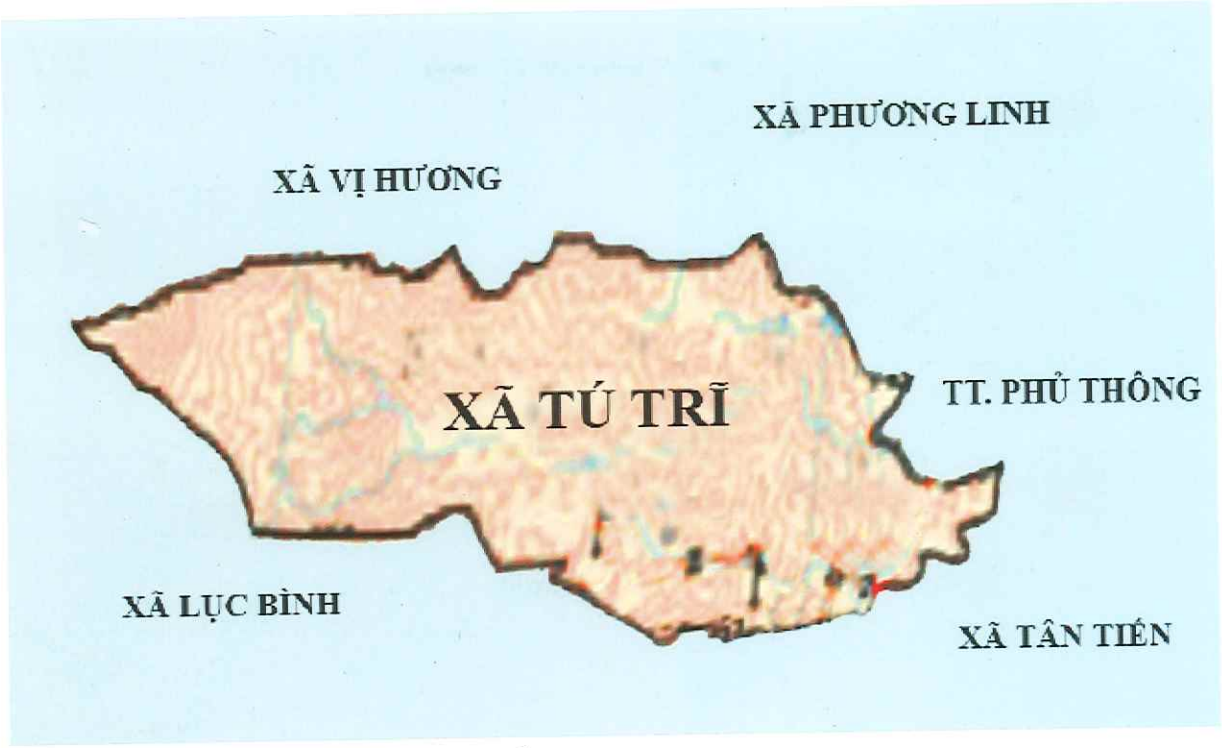

Bản đồ hành chính xã Tú Trĩ

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Hoàng Sỹ Bảo
Bí thư Đảng ủy - Trưởng ban

Hứa Luân Thiêm
Phó Bí thư Thường trực
Đảng ủy - Phó trưởng ban

Chu Minh Thuyên
Phó Bí thư
Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Ủy viên

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tú Trĩ nhiệm kỳ 2015-2020

Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Tú Trĩ (1945-2015)

LỜI GIỚI THIỆU

Tú Trĩ là xã vùng cao nằm ở phía Bắc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Trong lịch sử, đồng bào các dân tộc xã Tú Trĩ luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, anh dũng trong đấu tranh chống áp bức, bóc lột và xâm lược của ngoại bang, phát huy đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, cuộc sống. Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Chi bộ, Đảng bộ xã, tinh thần đó luôn được phát huy cao độ.

Dưới ánh sáng soi đường của Đảng, nhân dân Tú Trĩ cùng nhân dân cả nước vùng lên đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật giành lại độc lập dân tộc, kiến lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ năm 1947, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Hoa Sơn, nhân dân Tú Trĩ không quản ngại gian lao, khổ nhọc tích cực đóng góp nguồn nhân lực, vật lực vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Năm 1952, xã Quyết Thắng (Tú Trĩ) được tái lập lại, Chi bộ Đảng cũng được thành lập, đảm nhận vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương.

Từ năm 1954-1975, nhân dân Tú Trĩ vừa tích cực phát triển sản xuất, xây dựng quê hương vừa thực hiện vai trò hậu phương với chiến trường miền Nam. Từ thực tiễn phong trào cách mạng, năm 1975, Đảng bộ xã Tú Trĩ

được thành lập, đánh dấu sự lớn mạnh của tổ chức cơ sở Đảng và phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo nhân dân thực hiện sự nghiệp cách mạng chung của cả nước.

Sau năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân Tú Trĩ ra sức phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, song tình hình ngày càng khó khăn. Trong bối cảnh đó, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986), Đảng bộ xã lãnh đạo nhân dân phát huy mọi nguồn lực vượt qua khó khăn, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân; xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp trên con đường đổi mới và hội nhập.

Để ghi lại những mốc son lịch sử của địa phương, trên tinh thần của Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Bạch Thông về tổ chức nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ cấp cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tú Trĩ nhiệm kỳ 2015-2020 ban hành Nghị quyết về việc tổ chức sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn ***"Lịch sử Đảng bộ xã Tú Trĩ (1945-2015)".***

Nội dung cuốn sách tái dựng một cách hệ thống, khách quan quá trình thành lập, xây dựng, trưởng thành của Đảng bộ và tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc Tú Trĩ dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, Đảng bộ xã. Qua đó góp phần giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về truyền thống lịch sử của địa phương; đồng thời tổng kết và rút ra những bài học kinh nghiệm về công

tác vận động quần chúng, xây dựng Đảng, chính quyền... phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các nhân chứng lịch sử của xã qua các thời kỳ cùng các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bạch Thông đã tạo điều kiện giúp đỡ, đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho chúng tôi trong quá trình khai thác tư liệu, nghiên cứu biên soạn cuốn sách này. ê

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song nội dung cuốn sách cũng không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong được các đồng chí, đồng bào, bạn đọc xa, gần tham gia đóng góp ý kiến để lần xuất bản sau được đầy đủ hơn.

T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ

Hoàng Sỹ Bảo

Chương I
KHÁI QUÁT VỀ VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ VĂN HÓA

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

1. Những biến đổi của vùng đất qua các thời kỳ lịch sử

Tú Trĩ là vùng đất có lịch sử phát triển lâu đời và diễn ra nhiều thay đổi về đơn vị hành chính theo thời gian. Vào thời đại các vua Hùng dựng nước Văn Lang, vùng đất Tú Trĩ thuộc bộ Vũ Định, 1 trong 15 bộ hợp thành nước Văn Lang. Trong thời kỳ Bắc thuộc, vùng đất Tú Trĩ ngày nay là đơn vị hành chính thuộc châu kimi[1]. Trong thời kỳ phong kiến, vùng đất Tú Trĩ ngày nay có nhiều sự thay đổi qua các triều đại. Dưới thời Lý (1009-1225), thuộc huyện Vĩnh Thông phủ Phú Lương, sang thời nhà Trần (1226-1400) thuộc huyện Vĩnh Thông, trấn Thái Nguyên, đến đời Lê sơ (1428-1527) thuộc phủ Thông Hóa, thừa tuyên Thái Nguyên.

---

1. Châu kimi không phải là danh từ riêng chỉ tên gọi của một châu cụ thể nào, đây là danh từ chung dùng để chỉ khu vực miền núi phía Bắc của nước ta, nơi chính quyền đô hộ không thiết lập nền cai trị trực tiếp mà quyền cai quản do các tù trưởng địa phương tự nắm giữ quyền cai trị nhưng phải thần phục chính quyền đô hộ và chịu sự quản lãnh trực tiếp của các đô đốc đô hộ ở biên giới.

Đến thời Nguyễn, sau cải cách hành chính của vua Minh Mạng năm 1831, xã Tú Trĩ thuộc tổng Phương Linh huyện Cảm Hóa, phủ Thông Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Đến cuối thế kỷ XIX, sau khi hoàn thành công cuộc xâm lược nước ta, ngày 11/4/1900, thực dân Pháp tách phủ Thông Hóa ra khỏi tỉnh Thái Nguyên, thành lập tỉnh Bắc Kạn bao gồm các châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì) và Cảm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Lúc này xã Tú Trĩ thuộc tổng Phương Linh (thời điểm này tổng Phương Linh được tách từ huyện Cảm Hóa về châu Bạch Thông) và có 8 thôn, bản: Phiêng Màn (nay gọi Phiêng Mòn), Nà Ta (nay gọi Nà Tà), Pác Kéo, Bản Mậu (nay gọi Bản Mới), Quan Làng, Cốt Lái, Lọng Cọng, Khuẩy Sá (nay gọi Khuổi Sla)[1].

Năm 1947, đáp ứng yêu cầu kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Tú Trĩ cùng các xã Tòng Lệnh, Phương Linh, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Vi Hương sáp nhập lại lấy tên là xã Hoa Sơn. Tháng 10/1952, xã Hoa Sơn giải thể, tái lập lại 6 xã với tên gọi mới, lúc này xã Tú Trĩ có tên gọi là Quyết Thắng. Khi đó xã Quyết Thắng được chia thành hai khu với 7 thôn; khu Phiêng Mòn (khu trong) có 4 thôn: Phiêng Mòn, Pác Kéo, Pò Đeng, Cốc Nao và khu Quan Làng (khu ngoài) có 3 thôn: Quan Làng, Bản Mới, Khuổi Sla. Đến năm 1992, thành lập thêm các thôn Nà Tà, Nà Lầu, Nà Phát, Cốc Bây.

1. Ngô Vi Liễn, *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc kỳ*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 57.

Tháng 6/1964 theo Quyết định 150-NV của Bộ Nội vụ *"Về việc sửa đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn"*, xã Quyết Thắng đổi tên lại thành Tú Trĩ. Tiếp đó, ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Nghị quyết số 103-NQ/TVQH về hợp nhất tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Theo đó xã Tú Trĩ thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

Đến tháng 11/1996, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa IX) tại kỳ họp thứ X ra Nghị quyết về việc tách tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Ngày 1/1/1997, tỉnh Bắc Kạn chính thức được tái lập, xã Tú Trĩ là đơn vị hành chính cấp cơ sở thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và ổn định cho đến nay với 11 thôn bản: Cốc Nao, Nà Tà, Phiêng Mòn, Pò Đeng, Pác Kéo, Bản Mới, Nà Lầu, Quan Làng, Cốc Bây, Nà Phát, Khuổi Sla.

2. Lịch sử tộc người và dân cư hiện nay

Đi liền với sự hình thành, biến đổi của vùng đất là quá trình các dân tộc đến Tú Trĩ khai hoang và lập nghiệp. Sau hàng nghìn năm lịch sử, hiện nay Tú Trĩ là địa bàn sinh sống của các dân tộc anh em: Tày, Nùng, Dao, Kinh. Trong đó, người Tày, Nùng có lịch sử lâu đời hơn cả, còn bộ phận người Kinh và người Dao mới di cư đến trong những khoảng thời gian gần đây.

Người Nùng là dân tộc chiếm tỷ lệ dân số đông nhất ở Tú Trĩ hiện nay với gần 60% dân số. Người Nùng từ xưa là một bộ phận thuộc vào trong nhóm Tày cổ, đến khoảng thế kỷ XI - XII người Nùng và người Tày bắt đầu có sự

phân tách ra nhưng sau đó lại hòa nhập lại vào các nhóm Tày. Đến thế kỷ XVI, đặc biệt từ thế kỷ XIX, sau thất bại của phong trào Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864) nhóm người Nùng thuộc khối dân tộc Choang ở Quảng Tây di cư hàng loạt vào các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta và tỏa đi cư trú ở các khu vực khác nhau, trong đó có vùng đất thuộc Tú Trĩ ngày nay.

Từ thời nhà nước Văn Lang - Âu Lạc, Tú Trĩ cũng là vùng đất thuộc địa bàn sinh sống của tộc người Tày cổ - tộc người thuộc nhóm cư dân bản địa ở Việt Nam và là tổ tiên trực tiếp của một bộ phận người Tày hiện nay. Bên cạnh nhóm người có nguồn gốc trực tiếp từ người Tày cổ còn có một bộ phận người Tày có nguồn gốc từ người Việt ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Dưới tác động của các cuộc chiến tranh, nội chiến trong lịch sử, nhiều người Việt đã di cư lên vùng miền núi phía Bắc hay các vị quan triều đình được cử lên cai trị ở đây trải theo thời gian dần dần hòa nhập với các tộc người thiểu số và họ tự nhận mình thuộc về người Tày, tạo nên hiện tượng *"Kinh già hóa Thổ"* trong lịch sử Việt Nam. Và cuối cùng là nhóm người Tày tách từ khối người Choang ở vùng Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) di cư sang.

Bên cạnh người Nùng và người Tày chiếm tỷ lệ đông hơn cả, ở Tú Trĩ còn có dân tộc Kinh và dân tộc Dao. Người Kinh có mặt ở Tú Trĩ từ những năm 60 thế kỷ XX, đây là những hộ dân từ Thái Bình lên thực hiện phong trào di dân xây dựng kinh tế mới của Đảng. Còn người Dao từ năm 2009 mới di cư từ Cao Bằng xuống.

Đến năm 2015, xã Tú Trĩ có tổng dân số là 2.135 người với tỷ lệ gia tăng tự nhiên trong những năm 2010-2015 dao động trong khoảng từ 1-1,2%/năm. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 57,86% tổng dân số, trong đó chủ yếu là lao động trong ngành nông nghiệp. Dân cư phân bố tập trung chủ yếu dọc tuyến đường Quốc lộ 3 thuộc các thôn Nà Phát, Khuổi Sla và con đường liên xã Tú Trĩ - Lục Bình - Vi Hương với các thôn Nà Lầu, Phiêng Mòn, Cốc Bây, Cốc Nao, Nà Tà, Pác Kéo, Quan Làng, Pò Đeng, Bản Mới.

Hiện nay dù còn gặp nhiều khó khăn trong đời sống kinh tế - xã hội nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân các dân tộc ở Tú Trĩ đang chung sức, đồng lòng xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp hơn.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Tú Trĩ là 1 trong 17 xã, thị trấn của huyện Bạch Thông (Bắc Kạn), trung tâm xã cách thị trấn Phủ Thông 1km về phía Đông, cách thành phố Bắc Kạn 15km về phía Nam. Phía Bắc giáp xã Vi Hương; phía Nam giáp xã Tân Tiến; phía Đông giáp thị trấn Phủ Thông; phía Tây giáp xã Lục Bình, Vi Hương. Xã có tổng diện tích tự nhiên là 1.245,72ha trong đó chủ yếu là đất lâm nghiệp.

Địa hình Tú Trĩ về cơ bản mang đặc trưng chung của vùng núi Đông Bắc nước ta với hệ thống đồi núi thuộc vòng cung Sông Gâm có độ cao trung bình từ 100m đến 1.100m so với mực nước biển. Trên dải hữu ngạn cánh cung sông Gâm trải dài từ Chợ Rã đến phía Tây huyện Định Hóa (Thái Nguyên) có nhiều ngọn núi cao, quanh

năm mây mù che phủ đặc biệt là dãy Phja Bjooc với câu ca lưu truyền trong dân gian: *"Phja Dạ bấu lìa mooc, Phja Bjooc bấu lìa phân"* (Núi Dạ không rời sương mù, núi Hoa không rời mưa). Dãy Phja Bjooc là dãy núi cao nhất tỉnh Bắc Kạn chạy dọc từ đầu chân Phja Oắc (Nguyên Bình - Cao Bằng) xuống đến thị trấn Phủ Thông, trong đó có một phần chạy qua vùng Tây Bắc của Tú Trĩ và có đỉnh Phiê Iểng cao 1.527m. Từ ngàn đời nay, dãy Phja Bjooc hùng vĩ như bức tường thành tự nhiên che chắn, bảo vệ cho Bắc Kạn cũng như Tú Trĩ trước các thiên tai, địch họa. Trước Cách mạng Tháng Tám, đây là căn cứ địa quan trọng của đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân nên còn được gọi là núi Cứu Quốc[1]. Bên cạnh dãy Phja Bjooc với đỉnh Phiê Iểng, ở Tú Trĩ còn có nhiều đồi núi khác như: đỉnh Khau Phạt (Pác Kéo), đỉnh Đông Peo (Cốc Nao), đồi Cốc Chủ (Pò Đeng), đồi Tua Ly (Nà Tà).

Cùng với núi đồi trùng điệp, ở Tú Trĩ cũng có tương đối nhiều con suối như: suối Vi Hương (Tà Cải), suối Tà Eng... Do đặc điểm của địa hình rừng núi nên phần lớn các con suối ở đây thường có lòng suối hẹp chạy dọc theo các khe núi, thung lũng; độ dốc lớn, dòng chảy quanh co, nước chảy mạnh và siết. Vào mùa mưa do lượng mưa lớn, lòng suối hẹp lại chảy xiết nên thường xảy ra sạt lở ven bờ suối gây thiệt hại cho sản xuất và nguy hiểm đến tính mạng, tài sản của nhân dân; vào mùa khô, lượng nước giảm, nhiều khi không đáp ứng đủ cho nhu cầu tưới tiêu.

1. Núi Phja Bjooc thời kỳ kháng chiến chống Pháp là nơi trú ẩn của nhân dân 4 xã: Tú Trĩ, Vi Hương, Lục Bình và Hà Vị. Mỗi khi giặc Pháp càn đến, người dân Tú Trĩ lại di dời lên 4 khe gồm: khe Đông Peo, Bắc Đây, Cạm Vài và Cốc Muổng.

Các dòng suối tiêu biểu ở Tú Trĩ có thể kể đến như: suối Vi Hương chảy dọc theo Quốc lộ 3 xuống xã, vừa cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất vừa góp phần bồi đắp nên cánh đồng Quan Làng: cánh đồng lớn nhất ở Tú Trĩ. Suối Tà Eng bắt nguồn từ Cạm Vài trên dãy Phja Bjooc, gồm 3 nguồn nhỏ chảy xuống đến lưng chừng núi gặp vách đá tạo thành tát Xà Mu (Cốc Nao) hùng vĩ. Đây là địa điểm vui chơi của nhân dân trong xã và các vùng lân cận. Dòng suối Tà Eng cũng góp phần quan trọng vào bồi đắp và duy trì nguồn nước tưới tiêu cho cánh đồng Pò Đeng (thuộc hai thôn Pò Đeng và Phiêng Mòn). Bên cạnh các dòng suối chính trên là các khe suối nhỏ bắt nguồn từ trên dãy Phja Bjooc và hệ thống đồi núi khác trong địa giới của xã như: khe Đông Peo, Bắc Đây (Cốc Nao), khe Cốc Bây (Thôm Chương).

Về khí hậu, xã Tú Trĩ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Thời tiết trong năm được chia thành 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông trong đó có hai mùa rõ rệt là mùa mưa (mùa hạ) và mùa khô (mùa đông). Mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm, thời tiết thường hanh khô và lạnh, hay xuất hiện các đợi rét đậm rét hại, sương muối gây hại cho cây trồng, vật nuôi và ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; mùa khô kéo dài từ tháng tháng 11 đến tháng 3 năm sau, thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều, hay xuất hiện mưa đá, sạt lở, lũ quét. Nhiệt độ thấp nhất khoảng 8°C, nhiệt độ cao nhất 37°C, nhiệt độ trung bình năm 21,5°C. Lượng mưa trung bình hàng năm vào khoảng 1.700mm, tập trung chủ yếu vào tháng 6, tháng 7 với khoảng 195mm/tháng, lượng mưa thấp nhất vào tháng 11, tháng 12; độ ẩm không khí trung bình năm 82-85%.

Về tài nguyên rừng: toàn bộ xã Tú Trĩ là vùng rừng sản xuất và rừng phòng hộ với độ che phủ đạt khoảng 85%. Tổng diện tích rừng là 923,04ha, trong đó 738,23ha là rừng sản xuất và 184,41ha là rừng phòng hộ. Tài nguyên rừng không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà nó còn có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng môi trường sinh thái, giữ nước đầu nguồn, hạn chế việc xói mòn, rửa trôi đất và phòng chống lũ lụt.

Với những thuận lợi và khó khăn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên đã và đang tạo điều kiện cũng như thách thức cho Tú Trĩ trong giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt, trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

III. TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA

1. Truyền thống lao động sản xuất

Canh tác lúa nước là hoạt động kinh tế chủ đạo của đồng bào Tày, Nùng. Trải qua quá trình lao động sản xuất lâu dài, người Tày, Nùng đã khai phá các thung lũng ven sông, ven suối thành các cánh đồng. Đó là những thửa ruộng được be bờ, giữ nước, thâm canh canh tác từ năm này qua năm khác. Đối với canh tác lúa nước, công tác thủy lợi rất được chú trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, sản lượng cây lúa. Các loại hình thủy lợi độc đáo như phai, mương, lốc, cọn, lái, lìn được xây dựng, chế tạo trực tiếp từ các nguyên vật liệu có nguồn gốc từ thiên nhiên như: tre, nứa, gỗ, đá cuội, đá vôi, tuy đơn giản, thô sơ song đã phục vụ đắc lực cho nhu cầu tưới tiêu cho các đồng ruộng.

Trong quá trình sản xuất, nhiều tập quán, thói quen, kinh nghiệm được được nhân dân đúc kết lại thành kho tàng tri thức dân gian, phản ánh sự hiểu biết của cộng đồng cư dân về các hiện tượng tự nhiên có liên quan đến sản xuất nông nghiệp như đất, nước, mùa vụ, thời tiết... Hiện nay đồng bào Tày, Nùng còn lưu truyền nhiều tri thức quý liên quan đến canh tác lúa nước như: tầm quan trọng của nguồn nước: *"Nà chặm nặm chẻ, khẩu ké đé khẩu ón chang bồ"* (Ruộng được ngâm trong nước lâu, thóc mới đè thóc cũ trong bồ); lợi ích của việc cấy đúng mùa vụ: *"Đăm lặp mảu, chăm, nua têm các; Đăm quá mảu thai tác pền văng"* (Cấy đúng vụ, nếp, tẻ đầy gác; Cấy quá vụ chết rũ thành răng); kinh nghiệm chăm sóc lúa sau cấy:

"Cánh ruộng to chớ cho rậm cỏ
Ngày và đêm đổ nước cho đều
Giữ mực nước cho cao chân lúa
Nếp cùng tẻ thừa mứa thức ăn"

Cùng với canh tác lúa nước, hoạt động chăn nuôi và các nghề thủ công nghiệp khá phát triển. Về chăn nuôi, các loài vật nuôi rất đa dạng về giống gia súc, gia cầm như: có trâu, bò, lợn, chó, gà, vịt... vừa cung cấp sức kéo vừa là nguồn thực phẩm quan trọng. Thủ công nghiệp tương đối phát triển với các nghề rèn, nghề đan lát, may vá... phục vụ cho đời sống sinh hoạt hàng ngày và lao động sản xuất.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, hoạt động kinh tế khai thác tự nhiên cũng đóng vai trò quan trọng trong đời sống nhân dân ở Tú Trĩ. Với diện tích tự nhiên gần 90%

là rừng núi thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, các loại động thực vật phong phú, đa dạng đã trở thành các nguồn sống đặc biệt hữu ích bên cạnh sản xuất nông nghiệp, đặc biệt những lúc mất mùa, đói kém. Về cơ bản kinh tế tự nhiên gắn liền với việc khai thác các nguồn lợi tự nhiên từ rừng.

Nhìn chung hoạt động kinh tế truyền thống của người dân Tú Trĩ tương đối phong phú, bao gồm kinh tế sản xuất và kinh tế khai thác tự nhiên. Qua thực tiễn lao động, sản xuất, đồng bào nơi đây đã tích lũy và đúc kết lại được nhiều kinh nghiệm, tri thức quý báu về chọn giống, làm đất, tầm quan trọng của nước, mùa vụ... từ đó góp phần vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo cho nhu cầu đời sống hàng ngày. Tuy nhiên đời sống kinh tế của người dân mang nặng tính chất tự cung tự cấp, sản xuất chủ yếu phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của các hộ gia đình, trao đổi hàng hóa nếu có cũng chỉ là hình thức vật đổi vật còn rất sơ khai.

2. Truyền thống văn hóa

Truyền thống văn hóa của đồng bào các dân tộc ở Tú Trĩ bao gồm hai bộ phận: văn hóa vật chất như ăn, mặc, ở và văn hóa tinh thần.

Về ăn: trong khẩu phần ăn truyền thống của người Tày, Nùng tinh bột chiếm tỷ lệ lớn nhất và có nguồn gốc từ gạo tẻ, ngô, khoai lang, sắn cùng các loại củ khác được khai thác từ tự nhiên như củ mài, củ từ. Thức ăn đi kèm phổ biến nhất là các loại rau xanh tự trồng cũng như các loại rau hái từ trong rừng về; còn các loại thịt như thịt gà, thịt lợn, thịt cá không thật sự phổ biến trong bữa ăn hàng ngày của người dân. Cơ cấu bữa ăn truyền thống theo mô

hình cơm - rau - cá (thịt). Vào các dịp lễ đặc biệt, thường có thêm các món ăn được chế biến từ gạo nếp như xôi, bánh dày, cơm lam, bánh trôi... và kèm theo đó là thức uống không thể thiếu: rượu. Ngày xưa khi người dân chưa có thóc, ngô dư thừa như hiện nay thì rượu được nấu chủ yếu từ sắn và được dùng vào các dịp quan trọng của bản làng, dòng họ, gia đình.

Về mặc: trang phục truyền thống của đồng bào Tày, Nùng được làm từ vải bông tự trồng, bông sau khi thu hoạch được kéo sợi rồi dệt và nhuộm chàm để thành tấm vải hoàn chỉnh. Khi đã có vải, những người phụ nữ dựa vào kích cỡ cụ thể của các thành viên trong gia đình để cắt vải và tiến hành may vá. Màu sắc của quần, áo, váy thiên về màu chàm và ít sử dụng hoa văn trang trí trên trang phục.

Về nhà ở: nhà ở truyền thống của người dân chủ yếu là nhà sàn. Đây loại hình nhà ở phổ biến và tiêu biểu của các cư dân sinh sống ở vùng miền núi phía Bắc nói chung trong đó có Tú Trĩ. Trong môi trường khí hậu nhiệt đới nóng ẩm gió mùa có nhiều loại côn trùng, sâu bọ gây bệnh, các loại động vật lớn gây nguy hiểm đến tính mạng và tài sản nhân dân như hổ, gấu và sự khắc nghiệt của các hiện tượng tự nhiên: lũ lụt, sạt lở, lũ quét... thì nhà sàn là sản phẩm sáng tạo của các cư dân ở đây để chống chọi lại với tự nhiên khắc nghiệt. Nhà sàn là kiểu nhà phổ biến của các dân tộc Tày, Nùng bởi địa bàn cư trú của họ thường ở những vùng đất thấp như chân núi, thung lũng, ven khe suối.

Đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc được biểu hiện trên nhiều phương diện như: đời sống tín ngưỡng, các nghi lễ liên quan đến hoạt động nông nghiệp, kho tàng văn học, âm nhạc dân gian.

Trong đời sống tín ngưỡng, đồng bào nơi đây theo tín ngưỡng đa thần với quan niệm *"vạn vật hữu linh"* mọi vật đều có linh hồn nên hệ thống thờ của người dân rất đa dạng, thờ thần sông, thần núi, thần cây, thần đá... trong đó tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đóng vai trò quan trọng nhất.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên bắt nguồn từ niềm tin cho rằng linh hồn của người đã khuất vẫn còn hiện hữu trong thế giới này và ảnh hưởng đến đời sống của con cháu. Họ cho rằng chết chưa phải là hết, tuy thể xác không còn nhưng linh hồn bất diệt và thường ngự trên bàn thờ để gần gũi, giúp đỡ con cháu, dõi theo những người thân để phù hộ họ khi nguy khó, mừng khi họ gặp may mắn, khuyến khích họ làm những điều lành và cũng quở phạt khi họ làm những điều tội lỗi.

Bên cạnh đó, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn là biểu hiện của lòng hiếu thảo và nhớ đến công ơn sinh thành dưỡng dục của tiền nhân, nhớ đến cội nguồn của mình, đồng thời cũng là nền tảng cơ sở cho quan hệ gia đình. Mặt khác, nó cũng thể hiện trách nhiệm liên tục và lâu dài của con cháu đối với nhu cầu của tổ tiên. Trách nhiệm được biểu hiện không chỉ trong các hành vi sống (giữ gìn danh dự và tiếp tục truyền thống của gia đình, dòng họ) mà còn ở trong các hành vi cúng tế cụ thể.

Cùng với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, trước đây trên địa bàn xã còn có Lễ hội Lồng tồng của dân tộc Tày, Nùng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân. Lễ hội Lồng tồng là hoạt động sinh hoạt nghi lễ nhằm cầu mong vụ mùa mới mưa thuận gió hòa, thóc lúa đầy bồ. Hội Lồng tồng truyền thống bao gồm

phần lễ và phần hội; tuy nhiên, hiện nay Lễ hội Lồng tồng chỉ còn phần hội không còn phần lễ nữa. Lễ hội trước đây thường được tổ chức ở 2 nơi là: Quan Làng vào ngày mồng 7 tháng Giêng và Phiêng Mòn ngày 10 tháng Giêng.

Kho tàng văn học cổ của đồng bào dân tộc chủ yếu là văn học dân gian (văn học truyền miệng), với nhiều loại hình như truyện cổ tích, thần thoại, ca dao, tục ngữ. Nội dung các câu chuyện xoay quanh các chủ đề chính: nguồn gốc của vũ trụ, các hiện tượng tự nhiên; nguồn gốc của loài người; công cuộc chinh phục tự nhiên của con người; các nhân vật thông minh chống lại cái ác, cái xấu trong xã hội. Cùng với văn học, các loại hình nghệ thuật như ca hát, múa, diễn xướng... đạt trình độ cao trên nhiều phương diện. Các điệu hát then, hát lượn, hát sli của người Tày, Nùng kết hợp với các nhạc khí như quả nhạc, thanh la, trống, đàn then, nhị, sáo... đã trở thành món ăn tinh thần trong đời sống thường nhật của người dân nơi đây.

3. Truyền thống đấu tranh, bảo vệ đất nước

Theo chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, nhân dân Tú Trĩ không chỉ cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, xây dựng bản làng mà còn luôn đoàn kết, anh dũng trong đấu tranh chống áp bức bóc lột và xâm lược của ngoại bang.

Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), theo chủ trương *"tiên phát chế nhân"* của Lý Thường Kiệt, nhà Lý bất ngờ mở cuộc tiến công bằng cả đường thủy và đường bộ sang phía Nam đất Tống, nhanh chóng tiêu diệt các đồn, trại, triệt phá các căn cứ quân sự, hậu cần quan trọng ở dọc biên giới từ cửa biển Khâm Châu,

Liêm Châu cho tới thành Ung Châu của quân Tống. Trong cuộc tấn công này, nhân dân các dân tộc trên vùng đất Tú Trĩ ngày nay tích cực tham gia vào đạo quân đường bộ đặt dưới sự chỉ huy của Lưu Kỷ, góp phần vào công trạng oai hùng đánh Tống ngay trên đất Tống của quân dân Đại Việt.

Đến năm 1407, sau thất bại của nhà Hồ (1400-1407) trước cuộc xâm lược của quân Minh, nước ta rơi vào ách thống trị của nhà Minh. Không cam chịu ách nô lệ, ở khắp nơi nhân dân ta đứng dậy khởi nghĩa. Trên vùng đất Thái Nguyên (bao gồm cả Bắc Kạn ngày nay) từ đầu năm 1408, dưới sự lãnh đạo của Trần Nguyên Khang và Nguyễn Đa Bí, nhân dân nổi dậy chống lại giặc Minh. Trong nhiều năm sau đó, phong trào đấu tranh tiếp tục lan rộng dưới sự chỉ huy của Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chấn, Dương Khắc Chung. Đặc biệt, vào thời kỳ này, được sử ủng hộ, che chở của nhân dân các dân tộc trong vùng, nghĩa quân *"áo đỏ"* đã duy trì hoạt động trong suốt 17 năm. Dựa vào địa hình miền núi, đội quân *"áo đỏ"* gây cho quân Minh nhiều tổn thất làm cho chúng *"không thể nào đặt vững được chính quyền đô hộ trên miền rừng núi bao la của ta"*[1].

Đầu thế kỷ XIX, các toán cướp Cờ Đen, Cờ Vàng từ Trung Quốc vượt qua biên giới, đến đóng đồn lũy ở Vi Hương, cướp bóc trên khắp vùng Bạch Thông. Nhân dân địa phương đã sát cánh cùng quân đội nhà Nguyễn đánh đuổi bọn giặc cướp lên phía Bắc.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 19.

Trong thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng như cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc, truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường ngày càng được hun đúc, tôi luyện. Hàng trăm thanh niên Tú Trĩ đã đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc tình nguyện lên đường chiến đấu, nhiều người trong số họ đã ngã xuống vì nền độc lập, tự do của dân tộc.

Ngày nay những truyền thống lịch sử, văn hóa được hình thành trong lao động sản xuất, trong đấu tranh chống ngoại xâm là nguồn tài sản vô giá, sức mạnh tinh thần để nhân dân Tú Trĩ tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, những truyền thống tốt đẹp đó đang ngày càng được phát huy có hiệu quả, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng quê hương Tú Trĩ ngày càng phát triển trên con đường đổi mới và hội nhập.

Chương II
THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1930-1954)

I. THỜI KỲ VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN VỀ TAY NHÂN DÂN TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp cơ bản bình định xong và hoàn thiện hệ thống cai trị ở khu vực miền núi phía Bắc nói chung và vùng đất Tú Trĩ nói riêng. Dưới ách cai trị của thực dân Pháp, đời sống nhân dân Tú Trĩ vô cùng cực khổ song chưa có các cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập. Ngay sau khi thành lập, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh và để lại được dấu ấn trong phong trào cách mạng 1930-1931 và cao trào cách mạng 1936-1939. Nhưng do xa các trung tâm cách mạng nên ở Tú Trĩ, Đảng ta chưa gây dựng được ảnh hưởng, đồng bào các dân tộc chưa được giác ngộ cách mạng.

Từ năm 1939 trở đi, tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến nhanh chóng[1], tác động mạnh đến phong trào cách mạng trên cả nước. Đặc biệt, đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, tháng 5/1941, Người đã chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược cho cách mạng Việt Nam, nhấn mạnh hơn nữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc; thành lập Việt Nam độc lập đồng minh hội (gọi tắt Mặt trận Việt Minh) để liên hiệp rộng rãi các tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Từ sau Hội nghị, công tác chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa vũ trang được tiến hành gấp rút; phong trào cách mạng ngày càng lan rộng và phát triển mạnh, nhất là hai trung tâm căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn (Lạng Sơn) - Võ Nhai (Thái Nguyên). Năm 1942, đồng chí Võ Nguyên Giáp được giao phụ trách xây dựng con đường cách mạng Nam tiến từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên để mở đường về xuôi. Năm 1943, các ban xung phong Nam tiến vượt qua Khau Giang[2] vào nhiều địa phương thuộc địa phận Bắc Kạn. Từ đây trở đi, người dân Tú Trĩ dần được giác ngộ và hăng hái tham gia cách mạng.

---

1. Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở Đông Dương, thực dân Pháp ra sức vơ vét của cải, tiền bạc, sức người để phục vụ cho chiến tranh và thẳng tay đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng. Tháng 11/1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, cấu kết với thực dân Pháp, đẩy nhân dân ta vào tình cảnh *"một cổ hai tròng"*.

2. Khau Giang tức Đèo Gió ngày nay.

Tháng 12/1943, đồng chí Võ Nguyên Giáp đến Bạch Thông hoạt động, giao nhiệm vụ cho các đồng chí Đức Xuân, Phạm Duy Tiến, Tùng Vân củng cố và mở rộng đường dây liên lạc ở các bản vùng cao (đồng bào Dao), và các bản vùng thấp (đồng bào Tày, Nùng). Nhờ vậy các cơ sở cách mạng ở Bạch Thông phát triển nhanh chóng. Nhiều cán bộ Việt Minh được cử về Tú Trĩ gây dựng cơ sở cách mạng như: ông Vạn (người Phương Linh); ông Đội Ích, ông Cao Minh (ở xã Lục Bình); ông Hà Thiêm Tường (ở thị xã Bắc Kạn). Được các cán bộ tuyên truyền, vận động, nhiều người dân địa phương đã tham gia các đoàn thể Việt Minh, xây dựng cơ sở cách mạng, đặt tiền đề để thành lập lực lượng du kích xã.

Để làm nòng cốt cho việc xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập tại Nguyên Bình (Cao Bằng) do đồng chí Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy. Cùng với sự thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, lực lượng du kích ở cấp cơ sở cũng được đẩy mạnh xây dựng. Tại Tú Trĩ, đầu năm 1945, đội du kích của xã cũng được thành lập gồm có: ông Đội Ích, ông Triệu Văn Tín, ông Hà Văn Thủy, ông Hoàng Văn Ngan, Lâm Văn Hành, Hà Văn Mình... trong đó ông Đội Ích là Đội trưởng.

Bước sang năm 1945, tình hình chiến tranh thế giới diễn biến nhanh chóng. Ở Đông Dương, đêm ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*.

Chỉ thị nhận định cuộc đảo chính đã làm cho điều kiện khởi nghĩa chín muồi nhanh chóng. Trên cơ sở đó Đảng chủ trương phát động cao trào kháng Nhật mạnh mẽ và chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa; đồng thời thay đổi hình thức tuyên truyền, tổ chức đấu tranh thích hợp với thời kỳ mới: thời kỳ tiền khởi nghĩa.

Cuối tháng 3/1945, quân Nhật chiếm đóng thị xã Bắc Kạn. Ngay sau đó, chúng bắt một số quan chức trong bộ máy cai trị cũ của thực dân Pháp, thả tù nhân đang bị giam giữ để lừa bịp nhân dân ta. Mặt khác, chúng tập hợp bọn tay chân đứng ra thành lập chính quyền, đảng phái chính trị thân Nhật. Thông qua các tổ chức phản động, phát xít Nhật ra sức tuyên truyền cho thuyết Đại Đông Á để xoa dịu dư luận, lừa bịp nhân dân ta. Mặc dù lôi kéo được một số quần chúng, thanh niên, hào lý thuộc tầng lớp trên song chúng không thể che giấu được bản chất xâm lược cũng như ngăn chặn làn sóng cách mạng chống Nhật của nhân dân ta.

Ngày 19/4/1945, đội du kích Tú Trĩ phối hợp đội du kích các xã Tòng Lạnh, Sĩ Bình, Vi Hương và Giải phóng quân tổ chức chặt cây, đào hố mai phục từ đỉnh đèo Giàng xuống Khuổi Tẩu chặn đánh đoàn xe cơ giới của địch đang vận chuyển vũ khí từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn. Khi đoàn xe của địch lọt vào vòng mai phục, đội du kích nhanh chóng tập kích rồi rút lui bảo toàn lực lượng. Trận đánh tuy không gây được tổn thất lớn nhưng đã góp phần làm cho quân địch hoang mang, cổ vũ tinh thần của quân dân địa phương.

Đến cuối tháng 5/1945, phát xít Nhật mở cuộc tấn công đánh chiếm lại các vị trí ven đường Quốc lộ 3. Trước tình hình trên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Giải phóng quân, lực lượng dân quân du kích Tú Trĩ tiếp tục tham gia đánh chặn địch ở Nà Hoan, Phủ Thông. Cùng với đó,

công tác phá hoại giao thông được đẩy mạnh. Từ trung tuần tháng 7/1945, đội du kích Tú Trĩ phối hợp với đội du kích các xã Tòng Lạnh, Sĩ Bình, Vũ Muộn, Vi Hương phá cầu chân Đèo Giàng, Khuổi Tẩu, Khuổi Phjắc, Nà Món, Nà Hoan, Nà Cù, Khuổi Dấm, khiến cho quân địch gặp nhiều khó khăn trong vận chuyển, tiếp tế quân trang, quân dụng, lương thực, thực phẩm cho hệ thống đồn bốt, cứ điểm. Ở khắp các nơi trong châu Bạch Thông, quân địch bị quân dân ta tấn công, bao vây, chia cắt buộc chúng phải rút quân co cụm về các vị trí trọng yếu.

Đến tháng 7/1945, hầu hết các xã trong châu Bạch Thông từ Yên Cư, Yên Hân đến Yên Đĩnh, Nông Hạ; từ Thanh Vận, Mai Lạp đến Xuất Hóa, Mỹ Thanh; từ Đôn Phong, Dương Quang, Quang Thuận đến Quân Bình, Lục Bình, Tú Trĩ... đều thành lập được chính quyền cách mạng[1]. Ở Tú Trĩ, chính quyền cách mạng lâm thời do ông Hoàng Văn Sơn làm Chủ tịch, ông Lăng Văn Nuôi làm Phó Chủ tịch Ủy ban lâm thời[2].

Đầu tháng 8/1945, tình hình thế giới chuyển biến theo chiều hướng có lợi cho cách mạng nước ta. Ngày 13/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng minh, Chính phủ Trần Trọng Kim và các đảng phái thân Nhật bị tê liệt. Cũng trong ngày 13/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Lệnh Tổng khởi nghĩa nhanh chóng được truyền đi khắp nơi.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*.
2. Theo lý lịch đảng viên của đồng chí Lăng Văn Nuôi.

Được tin Nhật hoàng và Chính phủ Nhật đầu hàng Đồng minh, quân Nhật và bọn tay sai ở thị xã Bắc Kạn hoang mang, run sợ. Chúng rút lui về đồn Phủ Thông, Nà Cù cố thủ. Tranh thủ thời cơ, Giải phóng quân kết hợp với du kích các xã, trong đó có du kích Tú Trĩ kéo đến bao vây đồn Phủ Thông, thị xã Bắc Kạn, cắt đứt các con đường tiếp tế vũ khí, lương thực của địch, đẩy chúng rơi vào cảnh khốn cùng. Trước tình thế đó, quân Nhật cử phái viên ra Phặc Tràng (Dương Quang) đề nghị thương lượng với ta. Sáng ngày 19/8/1945, quân Nhật gặp đại diện của Việt Minh là đồng chí Nông Văn Lạc tại sân bay Bắc Kạn để giao nộp hồ sơ bộ máy tay sai cấp tỉnh và toàn bộ kho tàng: 21 vạn tiền Đông Dương, 1.800 khẩu súng, 500 viên đạn[1]. Ngày 21/8/1945, tại trại bảo an binh, ta tuyên bố giải tán lực lượng bảo an binh, xóa bỏ chính quyền tay sai do Nhật dựng lên. Ngày 23/8/1945, quân Nhật rút khỏi Bắc Kạn, châu Bạch Thông hoàn toàn giải phóng, Tú Trĩ sạch bóng quân thù.

Khởi nghĩa giành chính quyền ở Bắc Kạn diễn ra nhanh chóng và giành được thắng lợi hoàn toàn, trong đó có sự đóng góp một phần công sức quan trọng của nhân dân Tú Trĩ. Cùng với quân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Tú Trĩ đã đập tan xiềng xích đô hộ gần 100 năm của thực dân Pháp, 5 năm của phát xít Nhật và chấm dứt chế độ phong kiến đã tồn tại hàng nghìn năm, lập nên chính quyền dân chủ nhân dân, mở ra một thời kỳ mới trên chặng đường giành độc lập, tự do, ấm no và hạnh phúc.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông (1996): *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 54.

II. THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng và chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp (9/1945-9/1947)

Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đem lại cho cách mạng Việt Nam thế và lực mới. Đảng ta từ một đảng hoạt động bất hợp pháp trở thành đảng cầm quyền, nhân dân ta được giải phóng khỏi cuộc đời nô lệ, trở thành người làm chủ đất nước. Song đi liền với những thuận lợi cơ bản, chính quyền cách mạng non trẻ cũng phải đương đầu với những khó khăn chồng chất: ngân khố quốc gia trống rỗng; nền kinh tế đất nước lạc hậu, bị thiên tai tàn phá nghiêm trọng dẫn đến nạn đói hoành hành; hơn 90% dân số bị mù chữ; các thế lực ngoại xâm, phản động đang ra sức chống phá cách mạng, mưu đồ thiết lập lại chế độ thuộc địa... Tất cả những khó khăn trên đã đặt nước ta trước tình thế *"ngàn cân treo sợi tóc"*.

Trong bối cảnh chung của cả nước, nhân dân Bạch Thông nói chung và Tú Trĩ nói riêng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Tình trạng đói ăn diễn ra thường xuyên; các nhu yếu phẩm cần thiết cho đời sống hàng ngày như: muối, dầu thắp, vải mặc thiếu trầm trọng; tỷ lệ mù chữ chiếm hơn 99% dân số. Các hủ tục, tệ nạn xã hội từ chế độ cũ như mê tín dị đoan, rượu chè, thuốc phiện còn diễn ra phổ biến, gây trở ngại cho công cuộc xây dựng đời sống mới.

Thực hiện Sắc lệnh số 14/SL ngày 8/9/1945 của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước; ngày 6/1/1946, trong không khí tưng bừng của ngày hội Tổng tuyển cử, những người dân Tú Trĩ từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, nam nữ đều hăng hái, phấn khởi đi bỏ phiếu bầu cử những đại biểu xứng đáng tham gia vào Quốc hội. Ở Bắc Kạn, đồng chí Nông Văn Lạc (dân tộc Tày) và đồng chí Hoàng Hùng Sơn (dân tộc Dao) được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa I, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của gần 7 vạn đồng bào Bắc Kạn nói chung.

Sau thắng lợi của tổng tuyển cử bầu Quốc hội, nhân dân xã Tú Trĩ tiếp tục bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và thành lập Ủy ban hành chính thay Ủy ban kháng chiến lâm thời. Thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình, hơn 99% cử tri xã phấn khởi đi bỏ phiếu bầu ra Hội đồng nhân dân xã. Tại kỳ họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân bầu ông Hoàng Văn Sơn làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Trên mặt trận diệt *"giặc đói"*, các phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm được phát động. Hưởng ứng khẩu hiệu *"Không một tấc đất bỏ hoang"* đồng bào các dân tộc Tú Trĩ đã giúp đỡ, hỗ trợ nhau về công cụ, giống, vốn, sức kéo… cùng nhau khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích sản xuất. Trong sản xuất, các tập tục tốt đẹp của đồng bào như: vàn nà[1], làm mải (đổi công) được phổ biến và khuyến khích thực hiện. Cùng với đó, noi theo gương

1. Vàn nà là một tập tục phổ biến của người Tày, theo đó: gia đình nào làm không kịp thời vụ thì mời bà con đến làm giúp một vài buổi, chỉ ăn cơm mà không tính công.

Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Cứ 10 ngày nhịn một bữa, mỗi tháng nhịn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo"*, nhiều *"Hũ gạo cứu đói"*, phong trào *"Nhường cơm sẻ áo"* được đông đảo nhân dân hưởng ứng và tích cực tham gia. Nhờ những biện pháp tích cực, nạn đói về cơ bản được giải quyết, đời sống nhân dân bước đầu được ổn định.

Trên mặt trận diệt *"giặc dốt"*, cuối tháng 9/1945, tỉnh Bắc Kạn đã thành lập Ty Bình dân học vụ và Ty tiểu học vụ. Sau đó, ở các huyện cũng thành lập các tổ chức bình dân học vụ. Ở Tú Trĩ phong trào học tập văn hóa diễn ra sôi nổi. Một số giáo viên từ Chợ Mới, Huyền Tụng được tăng cường về để củng cố phát triển phong trào. Đến cuối năm 1946, ở Tú Trĩ đã mở được 3 lớp bình dân học vụ, tỷ lệ xóa nạn mù chữ đạt khoảng 5,3% dân số.

Song song với các hoạt động diệt *"giặc đói, giặc dốt"*, đồng bào các dân tộc ở Tú Trĩ còn hăng hái tham gia xây dựng nếp sống mới, xóa bỏ các tập tục xấu. Các tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, rượu chè từng bước được xóa bỏ, tình trạng mê tín dị đoan, hội đám linh đình từng bước được giảm bớt... Ngoài ra, xã cũng thành lập được các đội văn nghệ, tổ chức các buổi giao lưu văn nghệ, dạy bài hát cách mạng cho tầng lớp thanh, thiếu niên. Công tác vệ sinh phòng bệnh được phổ biến, tuyên truyền đến toàn thể nhân dân.

Trên mặt trận quân sự, nhiệm vụ quân sự hóa toàn dân được coi trọng. Mặt trận Việt Minh dựa vào chính quyền cách mạng vừa được thiết lập ở các xã để phát động quần chúng tự vũ trang. Các đoàn thể quần chúng như Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thiếu nhi Cứu quốc đều được tổ chức theo hình thức quân sự. Các hội

viên hăng hái được lựa chọn tham gia vào trong các đội tự vệ. Đến đầu năm 1946, tòa bộ các thôn, bản ở Tú Trĩ đều có các đội tự vệ do các ủy viên phụ trách quân sự của chính quyền cách mạng cơ sở trực tiếp chỉ huy.

Từ cuối năm 1946, thực dân Pháp khiêu khích và lần lượt đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, tàn sát đồng bào ta ở phố Yên Ninh, Hàng Bún. Ngày 18/12/1946, chúng gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta đòi tước khí giới của lực lượng tự vệ, giành quyền kiểm soát Thủ đô Hà Nội. Trước tình hình đó, ngày 18 và 19/12/1946, tại làng Vạn Phúc (Hà Đông), Ban Thường vụ Trung ương họp khẩn cấp và quyết tâm tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên phạm vi toàn quốc. Đúng 20 giờ ngày 19/12/1946, quân dân Thủ đô Hà Nội nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến trong toàn quốc. Đến ngày 22/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"Toàn dân kháng chiến"*, đề ra những nét cơ bản nhất về đường lối kháng chiến của toàn Đảng, toàn dân.

Đầu năm 1947, xã Tú Trĩ cùng các xã Tòng Lạnh (nay là xã Tân Tiến), Quý Quân (Phương Linh), Sỹ Bình, Vũ Muộn, Vi Hương sáp nhập lại thành xã Hoa Sơn. Chính quyền xã Hoa Sơn cũng được kiện toàn lại, đồng chí Vy Cao Thượng được bầu làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã[1]. Cùng với việc thành lập liên xã, năm 1947, Chi bộ Đảng Hoa Sơn cũng được thành lập do đồng chí Hoàng Khải Mạc làm Bí thư Chi bộ.

---

1. Khi cuộc Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Ủy ban kháng chiến được thành lập tồn tại song song bên cạnh Ủy ban hành chính. Đầu năm 1947, Ủy ban hành chính sáp nhập với Ủy ban kháng chiến thành Ủy ban kháng chiến hành chính để điều hành các hoạt động kháng chiến kiến quốc cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.

Quán triệt quan điểm chiến tranh nhân dân, đường lối vũ trang nhân dân, các cấp ủy Đảng Bắc Kạn rất coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho cuộc chiến tranh trường kỳ. Thực hiện thông tư của Bộ Quốc phòng ngày 19/2/1947 quy định về tổ chức và nhiệm vụ của dân quân, tự vệ, du kích; tháng 4/1947, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Bộ dân quân Bắc Kạn được thành lập và đã chọn Bạch Thông làm huyện trọng điểm về xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, du kích. Đến giữa năm 1947, toàn huyện xây dựng được 6 đại đội du kích thoát ly sản xuất trên tổng số 17 đại đội của tỉnh; trong đó xã Hoa Sơn xây dựng được 1 đại đội với lực lượng khoảng 100 người. Cho đến đầu tháng 10/1947, tất cả các du kích của xã đều hoàn thành khóa huấn luyện quân sự ngắn hạn.

Bên cạnh việc tập trung xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân, du kích; quân và dân Bạch Thông cũng như Hoa Sơn còn tích cực tuyển chọn các thanh niên trai tráng, khỏe mạnh lên đường nhập ngũ tham gia xây dựng Trung đoàn 72 Bắc Kạn và Trung đoàn 23 của Liên khu Việt Bắc.

Để nắm thế chủ động khi có chiến sự, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy; Chi bộ Hoa Sơn lãnh đạo nhân dân trong xã đào công sự, hầm ẩn nấp; vót chông, đặt bẫy góp phần tiêu diệt sinh lực địch. Bên cạnh đó, công tác tiêu thổ kháng chiến cũng được chính quyền, nhân dân xã Hoa Sơn triển khai theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào kẻ địch vậy"*. Song song với công tác *"tiêu thổ kháng chiến"*, cuộc vận động *"vườn không nhà trống"* được nhân dân hưởng ứng tích cực.

Không chỉ tích cực chuẩn bị kháng chiến, Chi bộ Hoa Sơn còn lãnh đạo nhân dân làm tốt công tác hỗ trợ các cơ quan Trung ương và nhân dân từ dưới xuôi di tản lên. Theo sự sắp xếp của *"Đội công tác đặc biệt"* do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách, huyện Bạch Thông cùng các huyện Sơn Dương, Định Hóa, Đại Từ, Chợ Đồn, Võ Nhai được chọn là địa điểm tiếp nhận các cơ quan, công xưởng của Trung ương và Liên khu chuyển đến. Trong đợt tổng di chuyển từ tháng 11/1946-2/1947, nhân dân xã Hoa Sơn đã góp sức hàng nghìn ngày công cùng nhân dân Việt Bắc nói chung đưa được 40.000 tấn máy móc, nguyên vật liệu về các vùng tự do, căn cứ kháng chiến để tạo cơ sở cho cuộc kháng chiến lâu dài. Trong thời gian này xã Hoa Sơn (trên địa phận Tú Trĩ hiện nay) cũng đón tiếp nhiều cơ quan của Trung ương, tỉnh về đóng tại đây như: Ngân hàng Nhà nước, Tòa án tỉnh đóng ở thôn Cốc Bây, Bệnh viện tỉnh đóng ở thôn Pác Kéo. Công tác tiếp nhận đồng bào tản cư từ dưới xuôi lên được thực hiện tốt. Đồng bào các dân tộc đã cùng nhau góp công, góp sức lập nhà, khai hoang ruộng vườn cho đồng bào tản cư để họ sớm ổn định cuộc sống, nhanh chóng tham gia kháng chiến cũng như xây dựng hậu phương kháng chiến.

Chỉ trong thời gian ngắn, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền, đồng bào các dân tộc xã Hoa Sơn đã hoàn thành tốt công tác chuẩn bị kháng chiến, tiếp nhận các cơ quan Trung ương cùng đồng bào từ dưới xuôi di tản lên; chuẩn bị thế và lực sẵn sàng khi thực dân Pháp đổ bộ lên.

2. Kháng chiến chống thực dân Pháp, giải phóng quê hương (10/1947-1949)

Với tham vọng giành thắng lợi quyết định, sớm chấm dứt chiến tranh xâm lược bằng chiến lược *"Đánh nhanh, thắng nhanh"*, từ giữa năm 1947, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương ráo riết chuẩn bị kế hoạch tiến công lên Việt Bắc nhằm mục tiêu vây bắt cơ quan lãnh đạo kháng chiến, đánh quỵ bộ đội chủ lực, triệt phá căn cứ địa Việt Bắc, khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn đường liên lạc của ta với quốc tế. Ngày 7/10/1947, thực dân Pháp huy động lực lượng mở cuộc tiến quân lên Việt Bắc.

Ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp"*. Chỉ thị nêu rõ: Cuộc tiến công này của địch không tỏ ra chúng mạnh, mà tỏ ra chúng yếu, chỉ ồ ạt lúc đầu. Chúng ta không sợ địch nhưng cũng không được khinh địch. Bên cạnh đó nhận rõ chỗ yếu chí mạng của Pháp là vấn đề bảo đảm hậu cần, Bộ Tổng chỉ huy chủ trương: *"Đánh mạnh ở mặt trận sông Lô và Đường 4, phá giao thông vận tải tiếp tế của địch, kết hợp chặt việc phát động nhân dân làm vườn không nhà trống, triệt nguồn tiếp tế tại chỗ của địch"*.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và chủ trương của Bộ Tổng chỉ huy, ngay khi quân địch vừa nhảy dù xuống Bắc Kạn, Đoàn cảnh vệ Bắc Kạn, Đại đội độc lập huyện Bạch Thông, dân quân du kích Thanh Mai, Yên Đĩnh, Cao Hòa và tự vệ chiến đấu các công binh xưởng C4, C6 tỏa đi chặn đánh các toán quân địch đi lùng sục, diệt những tên nhảy dù bị lạc, quấy rối

các nơi giặc chốt lại. Ở Hoa Sơn, lực lượng dân quân, du kích kết hợp với Đại đội 395 đang đóng quân tại đây tổ chức các đợt tấn công vào Phủ Thông, siết chặt dần vòng vây. Phối hợp với các cuộc tấn công quân sự trực diện, chiến tranh du kích sau lưng địch của đồng bào các dân tộc ở Bạch Thông trong đó có nhân dân Hoa Sơn đã gây nhiều khó khăn cho quân địch.

Sau những thất bại liên tiếp, đầu tháng 12/1947, thực dân Pháp buộc phải rút quân, kết thúc chiến dịch tấn công lên Việt Bắc mà không đạt được mục tiêu. Tuy nhiên, chúng vẫn đóng quân ở 5 địa điểm trên địa bàn tỉnh, bao gồm: thị xã Bắc Kạn, thị trấn Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn và Bằng Khẩu. Ở các vị trí chiếm đóng, thực dân Pháp xây dựng hệ thống hầm hào, công sự kiên cố bằng gạch dày và bê tông cốt thép; các cứ điểm đều được trang bị hỏa lực mạnh với hệ thống đại bác từ 105mm đến 150mm, ở các đồn nhỏ được trang bị từ 37mm đến 75mm.

Từ vị trí đóng quân, thực dân Pháp thường xuyên tổ chức các cuộc càn quét, cướp bóc vào vùng tự do của ta. Trong hai tháng 5, 6/1948, tại Bạch Thông chúng đã tiến hành hàng chục cuộc càn quét, đốt 55 nóc nhà, cướp 38 con trâu, bò; giết và bắt đi hàng chục người. Trong 6 tháng đầu năm 1949, chúng tiếp tục đốt phá 26 nóc nhà, 29 lán, cướp đi 10 con trâu, 4 con bò, 1 con ngựa và 12 con lợn, bắn chết 6 người và bắt đi 20 người; đốt cháy 32 tạ thóc và 327 kg gạo[1].

---

1. Đảng ủy - Ban Chỉ huy quân sự huyện Bạch Thông: *Bạch Thông Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2009, tr. 96.

Do nằm trong vùng địch kiểm soát, đời sống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn xã gặp nhiều khó khăn, thường xuyên phải phục dịch cho binh lính Pháp. Ban ngày, quân Pháp cho nhân dân sản xuất bình thường, hàng ngày đến 19 giờ tối, người dân phải đến tập trung ở địa điểm quy định để kiểm soát tình hình, tách cán bộ cách mạng ra khỏi nhân dân. Ngoài ra, thực dân Pháp còn tìm cách mua chuộc bọn tay sai thân Tưởng trong tổ chức *"Nam dương Hoa kiều hiệp hội"*, ráo riết thành lập chính quyền tay sai, cung cấp tiền bạc, vũ khí để kích động bọn thổ phỉ càn quét, lùng bắt cán bộ Việt Minh.

Đối phó với âm mưu, thủ đoạn của địch, giữa tháng 1/1948, Trung ương Đảng họp và chủ trương phát động chiến tranh rộng khắp, đánh táo bạo và diệt những đồn lẻ của địch, tiêu diệt sinh lực địch và giải phóng đất đai. Tháng 2/1948, Hội nghị quân sự tỉnh Bắc Kạn lần thứ nhất đã đặt ra nhiệm vụ quân sự mới: Phải củng cố lực lượng tiến lên đánh địch ra khỏi Bắc Kạn. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, của tỉnh; dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, Chi bộ, chính quyền và nhân dân Hoa Sơn cùng nhân dân trong toàn huyện đẩy mạnh công tác phá hoại giao thông trên Đường số 3 để gây khó khăn cho việc hành quân cơ động của địch, tích cực vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược phục vụ công tác chiến đấu.

Từ trung tuần tháng 3/1948, với sự tăng cường của các đơn vị chủ lực, quân ta liên tiếp mở các cuộc tập kích, phục kích địch trên mặt trận đường số 3. Đêm 13/3/1948, Trung đoàn 72 phối hợp với trung đội du kích Bạch Thông (trong đó có lực lượng du kích xã Hoa Sơn), pháo kích

quân Pháp ở cứ điểm Phủ Thông, phá sập phần lớn công sự, doanh trại của địch, tiêu diệt và làm bị thương khoảng 70 tên. Quân Pháp ở thị xã Bắc Kạn kéo lên ứng cứu bị chặn đánh quyết liệt buộc phải quay về. Trước nguy cơ đồn Phủ Thông bị tiêu diệt, quân Pháp vội vàng cho máy bay thả dù tiếp tế vũ khí, lương thực.

Thực hiện chủ trương của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I (5/6/1948), đêm 25/7/1948, quân ta tiếp tục tấn công đồn Phủ Thông. Sau gần 3 giờ làm chủ chiến trường, vì thiếu pháo đánh hầm ngầm, quân ta buộc phải rút lui. Đợt tập kích này đã tiêu hao gần 100 sinh lực địch, tên Đại úy Đồn trưởng Các-đi-nan và Trung úy Đồn phó Các-lốt đều phải bỏ mạng. Trên đà thắng lợi, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Huyện ủy Bạch Thông, đội du kích bán thoát ly Đào - Hoa - Sĩ, gồm các chiến sĩ người Dao ở ba xã: Đào Lâm, Hoa Sơn, Sĩ Bình được thành lập. Ngay sau đó, tháng 10/1948, đội du kích đã tổ chức được một số trận tập kích trên Đường số 3, góp phần tiêu hao một phần sinh lực địch.

Bước sang năm 1949, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch giải phóng Bắc Kạn vào thu - đông năm 1949. Công tác chuẩn bị cho chiến dịch được thực hiện khẩn trương. Các đơn vị chủ lực tham gia chiến dịch được tập kết tại phía Nam huyện Bạch Thông để chấn chỉnh đội ngũ và quán triệt mục tiêu chiến dịch. Các đơn vị dân quân, du kích được huy động tham gia vận tải lương thực, vũ khí, phá hoại cầu đường xung quanh cứ điểm. Phát

giác được công tác chuẩn bị của ta, ngày 9/8/1949, quân Pháp rút chạy khỏi thị xã Bắc Kạn, thị trấn Phủ Thông, huyện lỵ Ngân Sơn theo Đường số 3 lên Cao Bằng.

Được tin quân địch rút chạy, Tiểu đoàn 55 (Trung đoàn 72) được lệnh truy kích đường rút lui của quân địch. Ngày 17/8/1949, quân ta truy kích địch ở Bằng Khẩu (Ngân Sơn) tiêu diệt gần 100 tên, phá hủy 15 xe quân sự, thu được nhiều chiến lợi phẩm khác. Với chiến thắng này, quân và dân Bắc Kạn đã đập tan âm mưu chiếm đóng của địch, giải phóng hoàn toàn quê hương.

Trải qua hai năm chiến đấu (1947-1949), dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, quân và dân xã Hoa Sơn đã không quản ngại khó khăn cùng nhau chung sức đồng lòng tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi quê hương. Từ đây trở đi, Chi bộ, chính quyền cùng toàn thể đồng bào các dân tộc Hoa Sơn tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, làm tròn nghĩa vụ hậu phương kháng chiến, tiến tới đánh thắng hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược.

3. Xây dựng hậu phương, phục vụ sự nghiệp kháng chiến

Ngay sau khi thực dân Pháp rút quân khỏi Bắc Kạn, ngày 10/8/1949, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ra Chỉ thị số 46 TU/BK *"Về các việc mà Đảng bộ Bắc Kạn phải gấp rút làm ngay sau khi địch đã rút khỏi thị xã Bắc Kạn"*. Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, nhân dân Hoa Sơn cùng với quân dân toàn tỉnh tiếp tục bước vào giai đoạn cách mạng mới với hai nhiệm vụ quan trọng: xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh; chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến để đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

Bước vào thực hiện các nhiệm vụ trong thời kỳ mới, công tác xây dựng Đảng, chính quyền luôn được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm và không ngừng được hoàn thiện, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động để đi vào chiều sâu, đáp ứng yêu cầu của cách mạng. Tháng 5/1949, các xã trong huyện tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân với đầy đủ thành phần giai cấp, trong đó chủ yếu là thân hào và trung nông, thành phần cơ bản còn chiếm số lượng ít. Tuy nhiên hoạt động của Hội đồng nhân dân ở các xã không đều và không thống nhất.

Trước tình hình đó, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Kạn về việc tiếp tục kiện toàn chính quyền dân chủ nhân dân, làm cho nó trở nên *"mạnh mẽ, nhanh chóng, quyết đoán, thống nhất, tập trung"* để đảm đương nhiệm vụ *"điều khiển chiến tranh và kiến thiết được chế độ dân chủ nhân dân"*, năm 1950, Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện lập kế hoạch tập huấn cho các thành viên của Hội đồng nhân dân cấp xã về nhiệm vụ, quyền hạn và phương pháp hoạt động của hội đồng, hội viên; mặt khác thay thế các thành viên kém về năng lực, yếu về sức khỏe và ý thức kém trong công việc.

Cùng với công tác kiện toàn lại Hội đồng nhân dân, công tác nâng cao năng lực cán bộ, đảng viên được các cấp ủy Đảng đặc biệt quan tâm. Năm 1950, Tỉnh ủy Bắc Kạn chỉ đạo chuyển trọng tâm công tác xây dựng Đảng từ phát triển sang củng cố, tạm ngừng phát triển đảng viên, tập trung nâng cao chất lượng đảng viên và củng cố cơ sở Đảng. Cùng với đó, Đảng bộ tỉnh phát động phong trào thi đua *"Rèn luyện Đảng tính, trau dồi đạo đức cách mạng"*.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy và hưởng ứng phong trào thi đua của Đảng bộ tỉnh, Chi bộ Hoa Sơn và các đảng viên tích cực học tập, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, tạo ra sự chuyển biến trong tư tưởng và hành động của các đảng viên, tăng cường vai trò lãnh đạo của chi bộ.

Ngay sau khi kiện toàn tổ chức Đảng, chính quyền, Chi bộ bắt tay vào lãnh đạo nhân dân khôi phục, phát triển kinh tế. Quán triệt chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến với hai nguyên tắc: vừa kháng chiến vừa kiến quốc và tự cung, tự cấp về mọi mặt. Ngay sau khi thực dân Pháp rút khỏi Bắc Kạn, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, chi bộ, chính quyền Hoa Sơn phát động phong trào *"Tích cực tăng gia sản xuất cứu đói"*, *"Toàn dân canh tác"* để khắc phục những hậu quả do thực dân Pháp để lại và bước đầu chi viện cho tiền tuyến. Tính đến vụ mùa năm 1950, toàn xã Hoa Sơn đã cấy được gần 250 mẫu lúa mùa và đưa thêm khoảng 48 mẫu ruộng bỏ hoang vào canh tác, các loại hoa màu mỗi hộ gia đình trồng được hơn 100 gốc sắn. Nhờ tích cực thực hiện kết hợp nhiều biện pháp trong sản xuất, đến cuối năm 1950 nạn đói cơ bản được đẩy lùi.

Không chỉ đẩy mạnh phát triển kinh tế, nhân dân xã Hoa Sơn dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ đã cùng nhân dân toàn tỉnh ra sức kiến thiết, sửa chữa cầu đường, đảm bảo giao thông thông suốt, phục vụ cho các nhiệm vụ quân sự. Chỉ trong vòng 2 tháng sau khi quân Pháp rút, tuyến Đường 3 nối liền Cao Bằng với Thái Nguyên được thông suốt. Đầu năm 1950, tuyến xe đầu tiên của quân ta đã thông trên đoạn đường Bắc Kạn - Cao Bằng để chuẩn bị cho chiến dịch Biên giới.

Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, phục vụ cho chiến dịch Biên giới, đầu năm 1951, Tỉnh ủy Bắc Kạn phát động *"Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất"* (15/1/1950-19/5/1950). Hưởng ứng cuộc phát động, Chi bộ xã Hoa Sơn huy động được 103 dân công với hàng nghìn ngày công và 11 con trâu kéo. Kết thúc chiến dịch cầu đường lần thứ nhất, nhân dân Hoa Sơn cùng với nhân dân toàn tỉnh sửa được 275km đường, 150 cây cầu có tổng cộng chiều dài là 1.267m. Ngoài huy động lực lượng sửa chữa, bảo vệ cầu đường, chi bộ Đảng, chính quyền và nhân dân Hoa Sơn cũng tích cực đóng góp nhân lực, vật lực phục vụ cho chiến dịch. Tổng kết chiến dịch Biên giới 1950, xã Hoa Sơn có hàng chục thanh niên nhập ngũ và trực tiếp chiến đấu, đóng góp được 6,4 tấn thóc, trong đó ở Tú Trĩ có 6 thanh niên tham gia chiến dịch.

Từ sau chiến dịch Biên giới, quân và dân ta liên tiếp mở nhiều chiến dịch lớn: chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo), chiến dịch Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám), chiến dịch Hà Nam Ninh (Quang Trung), chiến dịch Tây Bắc, chiến dịch Hòa Bình để giành và giữ thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), đẩy thực dân Pháp vào thế bị động. Trong hai năm 1951-1952, thực dân Pháp đã cho máy bay bắn phá những điểm trọng yếu tuyến Đường 3 thuộc địa phận Bắc Kạn. Trước tình hình đó, Đảng bộ Bắc Kạn xác định *"thành công hay thất bại trong việc sửa chữa, bảo vệ cầu đường để đảm bảo vận tải ở Bắc Kạn hiện nay có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến việc chuyển vận quốc phòng"* và quyết định phát động *"Chiến dịch cầu đường lần thứ hai"* với quyết tâm *"Đường số 3 phải tốt để xe trâu, xe ô tô và cả ô tô lớn GMC đi lại dễ dàng"*.

Ở Hoa Sơn, chi bộ Đảng và chính quyền đã chỉ đạo nhân dân thành lập được 2 tổ bảo vệ cầu đường với 43 đội viên thường trực ngày đêm trong các đợt cao điểm quân Pháp bắn phá để đảm bảo giao thông thông suốt. Trong chiến dịch cầu đường lần thứ hai, phát huy vai trò xung kích của lực lượng thanh niên, hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Thanh niên Cứu quốc tỉnh Bắc Kạn, lực lượng thanh niên xã Hoa Sơn đã tổ chức thành một phân đội với 20 đội viên trực thuộc liên phân đội Bạch Thông hỗ trợ cho công tác sửa chữa cầu đường.

Bước sang năm 1951, hưởng ứng chiến dịch trồng màu do tỉnh phát động; Chi bộ, chính quyền cùng các đoàn thể tích cực vận động nhân tăng gia trồng màu như ngô, khoai lang, sắn để cải thiện đời sống. Bình quân mỗi hộ gia đình ở Hoa Sơn trồng được 500 gốc sắn, 5 ống bắp và 1 luống khoai lang. Cũng trong thời gian này, xã cho thực hiện điều ước bảo vệ mùa màng để bảo vệ tài sản của nhân dân để mọi người yên tâm tăng gia sản xuất. Đến năm 1952, phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất ngày càng có nền nếp và đi vào chiều sâu. Nhiều đoàn cán bộ trên tỉnh, huyện được cử xuống các cơ sở để tổ chức học tập cho người dân về công tác khuyến nông; nhiều hộ gia đình xây dựng được kế hoạch sản xuất và giao ước thi đua.

Để đảm tăng vụ và tăng năng suất, Chi bộ và chính quyền Hoa Sơn phát động toàn dân làm tốt công tác thủy lợi; các mương, phai được tu bổ và xây dựng mới đảm bảo tưới tiêu cho hoạt động sản xuất. Các tập quán canh tác cũ như cày nông, bừa chùi, cấy chay… khiến năng suất thấp

bước đầu được khắc phục. Cuộc vận động cày sâu, bừa kỹ, cấy nhỏ dảnh, tăng cường sử dụng phân bón, chăm cây trồng đúng kỹ thuật đã giúp cho thâm canh lúa nước đạt được năng suất cao hơn. Với những thành tích đạt được trong sản xuất và phục vụ chiến đấu, ngày 27/10/1951, Tú Trĩ (khi này đang thuộc xã Hoa Sơn) được Tỉnh ủy Bắc Kạn chọn là địa điểm thí điểm sơ kết thuế nông nghiệp của huyện Bạch Thông.

Các hoạt động về xây dựng, củng cố hậu phương kháng chiến và chi viện cho tiền tuyến được đẩy mạnh. Tiếp tục công tác củng cố chính quyền, đầu năm 1952, xã Hoa Sơn được Huyện ủy Bạch Thông chọn là thí điểm về sản xuất tiết kiệm và củng cố lại tổ chức hoạt động của cấp xã theo hai bước: điều tra, nghiên cứu tình hình của xã, tổ chức giáo dục cho cán bộ và nhân dân; sau đó tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính cấp xã[1]. Đáp ứng yêu cầu cách mạng trong thời kỳ mới, tháng 10/1952, xã Hoa Sơn giải thể, thành lập 6 xã nhỏ: Hợp Tác, Hòa Bình, Đoàn Kết, Tòng Lệnh, Chiến Thắng, Quyết Thắng (Tú Trĩ). Ngay sau khi được thành lập, chi bộ Đảng xã Quyết Thắng được thành lập gồm một số đảng viên: Hoàng Văn Bằng, Lăng Văn Nuôi, Lăng Văn Phúc, Nông Văn Nhậm, Hoàng Văn Thụ... Đồng chí Hoàng Văn Bằng được chỉ định giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Lăng Văn Nuôi giữ chức Phó Bí thư Chi bộ[2]. Cùng với việc

1. Nguyễn Đức Quế: *Hậu phương Bắc Kạn trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954),* Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, tr. 71-72.

2. Theo lý lịch đảng viên, từ năm 1950-1954, đồng chí Lăng Văn Nuôi giữ chức Phó Bí thư Chi bộ kiêm Ủy ban Liên việt xã.

thành lập Chi bộ Đảng, chính quyền xã cũng được kiện toàn do đồng chí Hoàng Văn Thụ giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính.

Phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất ngày càng có nề nếp và đi vào chiều sâu. Nhiều đoàn cán bộ trên tỉnh, huyện được cử xuống các cơ sở để tổ chức học tập cho người dân về công tác khuyến nông; nhiều hộ gia đình xây dựng được kế hoạch sản xuất và giao ước thi đua. Năm 1952, phong trào cấy lúa chiêm và Nam Ninh được triển khai rộng rãi, trong đó nhân dân Hoa Sơn có gần 70 bung ruộng được cấy giống mới.

Cùng với kinh tế, sự nghiệp giáo dục, y tế trên địa bàn xã cũng thu được những kết quả khả quan. Công tác giáo dục tiếp tục được quan tâm, nhất là từ năm 1950, khi Đảng ta phát động cải cách giáo dục và phát triển giáo dục trong vùng giải phóng. Trong những năm 1953-1954, ở xã Quyết Thắng có lớp vỡ lòng ở Nà Chỉa (Pò Đeng) do thầy Hoàng Văn Chắn đứng lớp. Bên cạnh đó, phong trào bổ túc văn hóa, thanh toán nạn mù chữ ở vùng cao được đẩy mạnh. Xã Quyết Thắng mở được 6 lớp học, xóa nạn mù chữ cho 86 người[1]. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được thực hiện có hiệu quả, các phong trào vệ sinh được triển khai rộng rãi. Đến năm 1953, Ban Y tế Quyết Thắng có 3 cán bộ y tế: y tế, hộ sinh và vệ sinh viên, đáp ứng một phần nhu cầu khám chữa bệnh cơ bản

1. Từ năm 1952-1954, trường cấp II tỉnh Bắc Kạn đóng tại Phiêng Mòn có ba lớp (5, 6, 7) với khoảng 100 học sinh. Trường còn có thêm 1 nhà Hiệu bộ. Thời gian này, cơ quan Ty Giáo dục và Tòa án tỉnh đóng trên địa bàn Bản Mới.

cho người dân. Các phong trào *"Vệ sinh yêu nước"* và các cuộc vận động *"Ba sạch"* (ăn sạch, uống sạch, ở sạch) và *"Bốn diệt"* (diệt ruồi, diệt muỗi, diệt chấy rận, diệt chuột bọ) được nhân dân hưởng ứng tích cực đã góp phần đáng kể vào việc hạn chế các dịch bệnh, xây dựng đời sống văn hóa mới xã hội chủ nghĩa.

Đẩy mạnh chi viện cho tiền tuyến, trong chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, trên địa bàn xã có 4 người tham gia trực tiếp chiến đấu, 4 dân công hỏa tuyến phục vụ chiến dịch. Cùng với đó, nhân dân Quyết Thắng cùng với nhân dân toàn tỉnh huy động được 4.789 kg thực phẩm giao nộp cho nhà nước, cùng với Liên khu Việt Bắc đóng góp 35.000 dân công phục vụ cho chiến dịch, góp phần vào thắng lợi chung của toàn dân tộc.

Đến ngày 7/5/1954, quân và dân ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân Pháp ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, buộc chúng phải ngồi vào bàn đàm phán ở Giơ-ne-vơ. Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Theo Hiệp định, Chính phủ Pháp phải thừa nhận nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân 3 nước Đông Dương; đánh dấu bước phát triển mới trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta.

Trải qua 9 năm kháng chiến trường kỳ (1946-1954), Chi bộ Đảng và nhân dân xã Quyết Thắng đã đấu tranh giải phóng quê nhà, xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh và tích cực đóng góp sức người, sức của vào sự nghiệp đấu tranh chung của dân tộc. Trong 9 năm kháng chiến, dù đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, cuộc đấu

tranh lắm gian khổ nhưng quân và dân xã Quyết Thắng vẫn chung sức đồng lòng, sẻ chia với nhân dân cả nước, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng. Những kết quả đạt được điều kiện cho Chi bộ Đảng và nhân Quyết Thắng tiếp tục hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược ở miền Nam tiến tới thống nhất nước nhà.

Chương III
CHI BỘ ĐẢNG LÃNH ĐẠO CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN THAM GIA THAM GIA XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, CHI VIỆN CHO MIỀN NAM, ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1954-1975)

I. THỰC HIỆN CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, PHÁT TRIỂN KINH TẾ, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954-1965)

1. Hoàn thành giảm tô và cải cách ruộng đất, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân (1954-1957)

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ, nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Tháng 9/1954, Bộ Chính trị họp và xác định nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng giai đoạn mới: đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến, cảnh giác và làm thất bại các âm mưu phá hoại hiệp định của kẻ thù, hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế; đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị hòa bình ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Để lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn cách mạng mới, Chi bộ Đảng xã Quyết Thắng tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1954-1956. Nghị quyết Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá việc lãnh đạo

và kết quả thực hiện các nhiệm vụ cách mạng giai đoạn trước; đồng thời xác định nhiệm vụ trọng tâm của Chi bộ trong giai đoạn tới là tổ chức, lãnh đạo nhân dân thực hiện cải cách ruộng đất, phát triển kinh tế, văn hóa - giáo dục, nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường công tác xây dựng Đảng. Đại hội đã bầu Ban Chi ủy khóa mới do đồng chí Lường Văn Quản làm Bí thư Chi bộ.

Trong nông nghiệp, phong trào xây dựng tổ đổi công theo chủ trương của Trung ương Đảng để nông dân bước đầu làm quen với con đường làm ăn tập thể, tiến tới xây dựng hợp tác xã được tích cực hưởng ứng. Huyện Bạch Thông là điển hình của Bắc Kạn về xây dựng tổ đổi công, cuối năm 1954, toàn huyện xây dựng được 362 tổ đổi công, trong đó xã Quyết Thắng xây dựng được 7 tổ đổi công, mỗi bản 1 tổ. Thực hiện tốt công tác xây dựng tổ đổi công, những gia đình neo đơn được hỗ trợ cấy trồng, thu hoạch kịp thời vụ, những người tòng quân, tham gia du kích, đi dân công có thể yên tâm việc sản xuất ở nhà.

Cũng trong năm 1954, công tác giảm tô, giảm tức tiếp tục được triển khai trên địa bàn xã Quyết Thắng và một số địa phương khác trong tỉnh. Thông qua cuộc vận động, nhiều loại tô, tức được thanh toán hoặc xóa bỏ, hạn chế sự bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến với những người nông dân lao động nghèo, góp phần nâng cao đời sống nhân dân. Đến hết năm 1955, xã Quyết Thắng đã hoàn thành thắng lợi công tác giảm tô.

Cùng với đợt giảm tô, để xóa bỏ hoàn toàn quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến, thực hiện khẩu hiệu *"Người cày có ruộng"*, tháng 3/1955, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ

VII (mở rộng) quyết định tiến hành cải cách ruộng đất lần thứ 5. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VII, đầu năm 1956, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu ủy và Tỉnh ủy, xã Quyết Thắng cùng với 9 xã khác[1] của huyện Bạch Thông được chọn làm thí điểm về cải cách ruộng đất ở miền núi.

Đội cải cách ruộng đất gồm các đồng chí Khiêm, đồng chí Hậu, đồng chí Văn, đồng chí Thạo về xã điều tra tình hình cụ thể, xác định thành phần, tổ chức triển khai học tập chủ trương của Đảng đến toàn dân. Trên cơ sở đó, Đội cải cách đã tổ chức các buổi đấu tố, quy kết thành phần các hộ gia đình bị xác định là địa chủ. Trong đợt cải cách ruộng đất này, trên địa bàn xã có một số người bị quy thành phần là địa chủ, bị tịch thu ruộng đất, của cải sung công. Cùng với kết quả của các đợt giảm tô trước, sau cải cách ruộng đất, địa vị chính trị, kinh tế của giai cấp nông dân đặc biệt là tầng lớp bần cố nông được nâng cao, trình độ giác ngộ của nhân dân lao động chuyển biến theo hướng tích cực.

Song trong quá trình thực hiện cải cách do không nắm vững những biến đổi của nông thôn, miền núi ở miền Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp nên Đảng ta đánh giá không đúng bản chất của giai cấp địa chủ miền Bắc, lực lượng cách mạng ở nông thôn. Do đó trong quá trình chỉ đạo thực hiện đã mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh, quy sai và xử lý oan một bộ phận cán bộ, đảng viên, trung

1. Các xã được chọn thí điểm: Đào Lâm, Đoàn Kết, Hòa Bình, Huyền Tụng, Phong Lưu, Phong Quang, Quyết Thắng, Cẩm Giàng, Dân Chủ, Tân Tiến.

nông và một số thân hào yêu nước, làm cho lực lượng cách mạng ở vùng nông thôn bị tổn thất nặng nề *"khiến cho uy tín của Đảng bị giảm sút trong quần chúng, quan hệ giữa Đảng và quần chúng bị ảnh hưởng rất nhiều"*.

Nhận thấy những sai lầm trong đợt cải cách này, ngày 18/8/1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng, Chính phủ gửi thư cho đồng bào, cán bộ kêu gọi toàn dân đoàn kết và nêu lên những việc cần làm ngay để sửa sai. Tiếp đó, tháng 9/1956, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) họp đã nghiêm khắc kiểm điểm, công khai tự phê bình, kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách. Sau Hội nghị Trung ương Đảng đã xóa bỏ các quyết định đối với các chi bộ bị giải tán sai, khôi phục và hạ thành phần đối với những người bị quy sai, chấp hành nghiêm các chế độ đối với các gia đình bộ đội, du kích.

Từ tình hình thực tiễn của địa phương, đồng thời căn cứ vào chủ trương sửa sai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và quán triệt phương châm *"khẩn trương, thận trọng, đi từng bước vững chắc"*, từ ngày 21/11/1956, Đảng bộ huyện Bạch Thông đã tổ chức Hội nghị học tập sửa sai cho cán bộ, đảng viên trong toàn huyện. Trên địa bàn Quyết Thắng công tác sửa sai được tiến hành nhanh chóng, khẩn trương và triệt để. Chi bộ Đảng, chính quyền kết hợp với đội sửa sai tổ chức cho nhân dân học tập; nhìn nhận, đánh giá nghiêm túc những sai lầm mắc phải trong cải cách, đồng thời đến tận từng hộ gia đình giải thích, động viên.

Kết thúc đợt sửa sai, các cá nhân, hộ gia đình bị quy sai, nghi oan đều được xác minh cụ thể và sửa lại cho đúng. Những người bị quy là địa chủ được quy lại thành phần và khôi phục chức vụ, trả lại ruộng đất. Nhìn chung công tác sửa sai ở Quyết Thắng được triển khai nhanh chóng, triệt để đã khắc phục được những hạn chế, sai sót trong cải cách ruộng đất, góp phần vào ổn định tình hình chính trị, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở địa phương; củng cố hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân và niềm tin dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sau khi kết thúc công tác sửa sai, để chỉnh đốn lại công tác xây dựng Đảng, Chi bộ Quyết Thắng đã tiến hành Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1956-1958, đồng chí Hoàng Văn Bằng được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ; tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng mới.

Cùng với công tác giảm tô, cải cách ruộng đất, Chi bộ và chính quyền Quyết Thắng đã lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế, bước đầu phát triển văn hóa - xã hội.

Trong nông nghiệp, Chi bộ đã lãnh đạo nhân dân tích cực tham gia phong trào khai hoang, phục hóa, tăng cường các biện pháp thâm canh trong nông nghiệp. Đặc biệt trên địa bàn xã, nhân dân còn đẩy mạnh hoạt động làm phân xanh, phân rác, bón lót, nhờ đó diện tích canh tác và năng suất cây trồng được nâng lên. Đến năm 1956, toàn xã có gần 83ha ruộng bao gồm ruộng cấy hai vụ lúa và một vụ lúa, một vụ màu, năng suất bình quân đạt 16,5 tạ/ha, bình quân lương thực đầu người đạt 341kg/người/năm[1].

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (2000): *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 217.

Cùng với việc đẩy mạnh phục hồi phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, Chi bộ Quyết Thắng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh công tác giáo dục, thanh toán cơ bản nạn mù chữ. Nhiều lớp bình dân học vụ tiếp tục được mở ở khắp các bản, vào buổi tối các cụ già, phụ nữ lớn tuổi đều tranh thủ thời gian tới lớp học. Bên cạnh các lớp bình dân học vụ, lớp học vỡ lòng ở Quyết Thắng vẫn được duy trì để đảm bảo kiến thức cho học sinh trước khi chuyển lên lớp 1. Trong những năm này, trên địa bàn xã chưa có các trường cấp 1, các em học sinh sau khi học xong lớp vỡ lòng muốn học lên cao phải xuống thị trấn Phủ Thông để tiếp tục theo học.

Thực hiện chủ trương xây dựng nếp sống văn hóa mới, Chi bộ xã đã lãnh đạo chính quyền cùng với các lực lượng nòng cốt như thanh niên, phụ nữ tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân về đời sống văn hóa mới, tích cực đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội như trộm cắp, mê tín dị đoan; không tổ chức ăn uống linh đình trong cưới hỏi, ma chay. Các phong trào văn hóa, văn nghệ phục vụ quần chúng diễn ra sôi nổi.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn được Chi bộ chú trọng, quan tâm sát sao. Ban Y tế xã đã tổ chức được một tủ thuốc với một số loại thuốc cơ bản phục vụ cho nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân. Bên cạnh đó các phong trào ăn sạch, ở sạch, vệ sinh sạch đường thôn bản mang lại môi trường sống trong lành do Ban Y tế phát động được nhân dân hưởng ứng tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó do trình độ của đội ngũ cán bộ y tế còn nhiều hạn

chế; nguồn phân phối thuốc khó khăn; nhiều thói quen, nền nếp cũ trong nhân dân còn được duy trì nên hoạt động của trạm xá còn nhiều hạn chế. Đến hết năm 1957, công tác y tế của xã chỉ được đánh giá ở mức trung bình.

Trong hơn 3 năm (1954-1957), Chi bộ Đảng xã Quyết Thắng đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất xác lập quyền làm chủ ruộng đất của nhân dân, đẩy mạnh phát triển kinh tế, nhất là xây dựng các tổ đổi công, xây dựng đời sống văn hóa mới, nâng cao một bước đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Mặc dù còn tồn tại những hạn chế nhất định song với những kết quả tích cực mà Chi bộ Đảng và nhân dân Quyết Thắng đã đạt được là tiền đề thuận lợi để Chi bộ Đảng và nhân dân Quyết Thắng bắt tay vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 3 năm cải tạo chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1958-1960).

2. Thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất (1958-1960)

Trong hơn 3 năm phát triển kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, tiến hành cải cách cải cách ruộng đất, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trên cơ sở đó, tháng 11/1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp đã xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trong 3 năm (1958-1960), trong đó tập trung trọng điểm vào hợp tác hóa nông nghiệp. Hội nghị xác định *"Hợp tác hóa là con đường đúng đắn duy nhất để đưa nông thôn miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội"*. Nghị quyết chỉ rõ đường lối

cải tạo quan hệ sản xuất là đưa nông dân là từ làm ăn riêng lẻ vào làm ăn tập thể, đi dần từ tổ đổi công tiến dần lên hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp, tạo tiền đề cho xây dựng hợp tác xã nông nghiệp bậc cao.

Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong cải tạo chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là cải tạo chủ nghĩa xã hội trong nông nghiệp, đầu năm 1958, Chi bộ tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1958-1960. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại ở nhiệm kỳ trước, trên cơ sở đó, đề ra nhiệm vụ, mục tiêu của nhiệm kỳ mới, trong đó nội dung trọng tâm là xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp. Đại hội bầu Ban Chi ủy nhiệm kỳ 1958-1960, đồng chí Hoàng Văn Bằng được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ và chính quyền, các tổ đổi công tiếp tục được duy trì, phát triển về cả quy mô và chất lượng hoạt động. Những hoạt động sôi nổi của các tổ đổi công ở các bản đã tỏ rõ được tính ưu việt của hoạt động sản xuất tập thể so với hoạt động sản xuất cá thể truyền thống, do đó thu hút được thêm nhiều hộ nông dân tham gia, tăng dần quy mô của các tổ đổi công lên; cách thức hoạt động của các tổ đổi công cũng từng bước được nâng dần từ đổi công hàng ngày tiến lên tính công chấm điểm. Sự phát triển về cả chất và lượng của các tổ đổi công là điều kiện thuận lợi để Quyết Thắng tiến tới xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Tháng 4/1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) lần thứ 16 (mở rộng) đã thông qua hai Nghị quyết quan trọng về hợp tác xã và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Đối với miền núi, Nghị quyết

chỉ rõ nhiệm vụ chung trước mắt là vận động hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ để xóa bỏ các tàn tích phong kiến. Ngoài hợp tác xã nông nghiệp, miền núi có thể tổ chức các hợp tác xã lâm nghiệp và hợp tác xã chăn nuôi.

Sau khi có Nghị quyết của Trung ương, Chi bộ Quyết Thắng tổ chức tuyên truyền, giáo dục tư tưởng trong quần chúng nhân dân; giải quyết vấn đề ruộng đất, trâu bò và các tư liệu sản xuất khác, thành phần... để chuẩn bị tiến tới xây dựng hợp tác xã chính thức. Nhờ có phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển mạnh, tháng 11/1959, Quyết Thắng là địa phương được huyện Bạch Thông chọn thí điểm rút kinh nghiệm về việc thực hiện Chỉ thị số 156/CT-TƯ về việc tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi miền Bắc nước ta[1]. Sau Hội nghị rút kinh nghiệm, đến đầu năm 1960, cuộc vận động cải cách dân chủ được mở rộng ra toàn huyện. Thông qua cuộc vận động, lập trường của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng cao hơn.

Trên cơ sở kết quả của cuộc vận động cải cách dân chủ và cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, đến tháng 4/1960, xã Quyết Thắng đã xây dựng được 7 hợp tác xã trên cơ sở các tổ đổi công, đó là: hợp tác xã Khuổi Sa (20 hộ), Quan Làng (40 hộ), Bản Mới (15 hộ), Pác Kéo (17 hộ), Pò Đeng (18 hộ), Phiêng Mòn (20 hộ), Cốc Nao (26 hộ). Các hợp tác xã nông nghiệp đã thu hút được 91% số nông dân và 94% diện tích đất canh tác.

1. Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bạch Thông (2009): *Bạch Thông Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr. 152.

Trong các hợp tác xã đều thành lập Ban Quản trị, gồm có Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, Kế toán. Xã viên là những hộ gia đình tự nguyện tham gia trên cơ sở cùng có lợi và phải đóng góp chung các tư liệu sản xuất cơ bản như ruộng đất, trâu bò, nông cụ vào hợp tác xã để tiến hành sản xuất. Kết quả sản xuất sau khi trừ chi phí; nộp thuế; trích quỹ tích lũy 10%, quỹ công ích 10%... số còn lại sẽ được chia cho các hộ viên dựa trên số điểm tích lũy được khi quy đổi từ số ngày công thực mà hộ viên đạt được. Hình thức lao động sản xuất mới theo lối tập thể đã bước đầu mang lại những kết quả tích cực, các xã viên phấn khởi yên tâm sản xuất, tạo được niềm tin đối với nhân dân.

Trên lĩnh vực giáo dục, quán triệt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người"*, Chi bộ và chính quyền xã Quyết Thắng luôn xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu, phát triển giáo dục là điều kiện tiên quyết để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng. Trong nhiệm kỳ, công tác giáo dục có nhiều khởi sắc. Bên cạnh việc duy trì các lớp học bình dân học vụ cho toàn thể người dân, tổ chức các lớp bổ túc văn hóa cấp I để nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ xã, từ năm học 1959-1960, ở xã đã mở được thêm lớp 1 và lớp 2, phục vụ cho sự học ban đầu của con em các đồng bào trong xã.

Công tác y tế nhìn chung thực hiện tốt việc khám, chữa bệnh ở cấp cơ sở. Hàng năm, cán bộ y tế xã khám được cho khoảng 110 người, phát thuốc cho gần 200 người, trẻ em trong độ tuổi đều được tiêm sinh hóa, chủng đậu; tủ thuốc y tế thường xuyên được bổ sung để đáp ứng

cho nhu cầu khám, chữa bệnh. Cùng với đó, các cuộc vận động *"Ba sạch"*, *"Bốn diệt"* và phong trào *"Sạch làng, tốt ruộng"* được triển khai rộng rãi đã góp phần nâng cao ý thức của người về công tác vệ sinh, phòng chống dịch bệnh. Hoạt động văn hóa, văn nghệ từng bước được củng cố đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần của nhân dân. Đến cuối năm 1959, trên địa bàn xã đã xây dựng được 1 tủ sách và 1 tổ văn nghệ để phục vụ quần chúng nhân dân. Cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, tệ nạn xã hội được đẩy mạnh, dần dần hình thành lối sống văn hóa mới theo định hướng chủ nghĩa xã hội.

Về công tác an ninh - quốc phòng, Chi bộ quán triệt đến nhân dân tinh thần cảnh giác, giữ gìn an ninh trật tự xóm làng, làm thất bại các luận điệu xuyên tạc, các hành động phá hoại chế độ mới và công cuộc xây dựng quê hương. Để đảm bảo tốt an ninh - quốc phòng của địa phương, lực lượng dân quân xã được chú trọng xây dựng làm nòng cốt. Đến năm 1960, tất cả công dân trên địa bàn xã trong độ tuổi quy định 100% đều đăng ký tham gia lực lượng dân quân tự vệ và được biên chế thành 1 đầu mối trong lực lượng dân quân tự vệ của huyện và do đồng chí Luân Hùng Tiến làm Xã đội trưởng. Cán bộ Xã đội đều được tham dự các lớp huấn luyện quân sự hàng năm do Huyện đội tổ chức.

Công tác xây dựng Đảng có bước chuyển biến sau cuộc chỉnh huấn năm 1959 và công cuộc cải tạo chủ nghĩa xã hội trong nông nghiệp. Tư tưởng cầu an, hưởng lạc, xin nghỉ, xin thôi việc và ý định muốn làm ăn cá thể của cán bộ, đảng viên được hạn chế. Nhờ làm tốt công tác

giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nên vai trò lãnh đạo của Đảng và uy tín của đội ngũ đảng viên được nâng cao. Số lượng đảng viên trong Hội đồng nhân dân năm 1960 đạt 31,7%, trong Ủy ban hành chính xã chiếm 47,3%. Trong nhiệm kỳ Chi bộ đã kết nạp được thêm 6 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên toàn Chi bộ lên 12 đảng viên.

Sau 3 năm tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất; dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và chỉ đạo của chính quyền xã, toàn thể nhân dân Quyết Thắng đã hoàn thành thắng lợi công cuộc cải tạo chủ nghĩa xã hội trong nông nghiệp. Tất cả các thôn, bản đều thành lập được hợp tác xã và thu hút tuyệt đại đa số các hộ nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, công tác xây dựng Đảng đều có sự khởi sắc so với gian đoạn trước, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, đồng thời tạo thế và lực để nhân dân Quyết Thắng thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

3. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Ngày 5/9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam được tổ chức tại thủ đô Hà Nội, Đại hội xác định rõ nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là *"đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội"*.

Đối với miền Bắc, Đảng ta đã thông qua và cho triển khai kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) nhằm xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo chủ nghĩa xã hội đối với các thành phần kinh tế, củng cố và tăng cường kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, điều đó có tác dụng to lớn cổ vũ toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Đối với miền núi, Đại hội xác định *"làm thay đổi một bước bộ mặt kinh tế và văn hóa miền núi, tạo cơ sở vững chắc cho những bước phát triển về sau với quy mô lớn hơn"*.

Để lãnh đạo nhân dân thực hiện có hiệu quả kế hoạch 5 năm, từ năm 1961-1965, Chi bộ Đảng Quyết Thắng đã tổ chức hai kỳ Đại hội nhiệm kỳ 1961-1963 và nhiệm kỳ 1963-1965. Nghị quyết các kỳ Đại hội nhấn mạnh vào nhiệm vụ trọng tâm: củng cố và mở rộng quy mô hợp tác xã, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ vụ kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, hoàn thành tốt nghĩa vụ hậu phương với miền Nam và hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất. Trong hai kỳ Đại hội, đồng chí Hoàng Văn Bằng được tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư Chi bộ.

Nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất nông nghiệp đi vào chiều sâu, Chi bộ đảng xác định phải tiếp tục phát triển và củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, lấy hợp tác xã nông nghiệp làm nòng cốt cho toàn bộ hoạt động kinh tế của địa phương. Từ 7 hợp tác xã thành lập được trong 3 năm cải tạo chủ nghĩa xã hội, đến cuối năm 1963, Quyết Thắng đã thành lập được thêm 4 hợp tác xã: Nà

Lầu, Nà Phát, Nà Tà và Cốc Bây, lúc này mỗi thôn đều thành lập được 1 hợp tác xã. Tỷ lệ nông dân tham gia hợp tác xã đạt hơn 90%.

Thông qua thực tiễn sản xuất, các hợp tác xã ở Quyết Thắng bước đầu đã thu được một số kinh nghiệm và tiến bộ về công tác quản lý, nhờ đó thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển trên nhiều mặt như làm thủy lợi, tăng vụ, khai hoang, bước đầu áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất... hạn chế một phần những khó khăn của thời tiết. Song nhìn chung về mặt tăng năng suất, tăng thu nhập thì thành tích của các hợp tác xã chưa đều, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao. Năng suất trồng trọt và chăn nuôi có xu hướng dừng lại, thậm chí có nơi sút kém, vấn đề lương thực vẫn còn gặp nhiều khó khăn, một số hộ xã viên xin ra khỏi hợp tác xã... Những khó khăn mà các hợp tác xã ở Quyết Thắng đang gặp phải cũng là thực trạng chung của các hợp tác xã ở miền Bắc nói chung.

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế mà các hợp tác xã đang gặp phải, tháng 2/1963, Hội đồng Chính phủ ra Nghị quyết *"Về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc"* với ba yêu cầu lớn: cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã, tăng cường sự chỉ đạo của các cơ quan Nhà nước đối với nông nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp nhằm cải thiện đời sống của xã viên và nhân dân nói chung, tăng cường lực lượng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và đảm bảo nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Quán triệt Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, Chi ủy và chính quyền xã Quyết Thắng lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã tiến hành cải tiến quản lý và sản xuất. Ban Quản trị của các hợp tác xã được cử đi dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác quản lý, lập kế hoạch sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất do tỉnh, huyện tổ chức. Xã viên hợp tác xã được học tập về các tiêu chuẩn kỹ thuật thổ nhưỡng, thủy lợi; xây dựng cụ thể các phương án kỹ thuật liên hoàn từ nước, phân, giống đến phòng trừ sâu bệnh. Thông qua cuộc vận động cải tiến quản lý, sản xuất của hợp tác xã, công tác quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý tài vụ của Ban Quản trị và trình độ nhận thức của các xã viên được nâng cao, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường.

Những kết quả đạt được ban đầu trong việc xây dựng và củng cố các hợp tác xã đã tạo những điều kiện thuận lợi để mở rộng sản xuất, tăng năng suất cây trồng, đáp ứng nhu cầu lương thực cho nhân dân và đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước. Trong các hợp tác xã, phong trào thi đua thâm canh được đẩy mạnh, nhiều giống lúa mới cho năng suất cao được cấy trồng. Năm 1961, các hợp tác xã ở Quyết Thắng cấy được 72,7ha lúa, trong đó diện tích cấy giống lúa mới Nam Ninh là 68,4ha, chiếm 86,8% tổng diện tích canh tác; đến năm 1964, diện tích cấy lúa Nam Ninh tăng lên 71,6ha. Phong trào cải tiến kỹ thuật, cấy dầy, làm cỏ, sục bùn, tăng cường sử dụng phân xanh, phân chuồng được triển khai rộng rãi. Quán triệt tinh thần hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa, nhiều công trình thủy lợi được sửa chữa và làm mới, đảm bảo tưới tiêu cho hoạt

động sản xuất. Năm 1965, Tú Trĩ đã tiến hành xây phai Nà Chỉa để dẫn nước cho cánh đồng Nà Chỉa ở Pò Đeng và phai Pò Đeng, phai Nà Hảng phục vụ tưới tiêu cho cánh đồng Pò Đeng. Cùng với đó, phong trào *"Đưa cây màu xuống ruộng"* đã mang lại kết quả tích cực, góp phần giải quyết nhu cầu lương thực cho nhân dân.

Song song với trồng trọt, hoạt động chăn nuôi được chú trọng phát triển để cung cấp sức kéo, phân bón cho sản xuất nông nghiệp và một phần thực phẩm cho nhân dân, trong đó chủ yếu là phát triển đàn trâu bò. Bình quân mỗi hợp tác xã nuôi hơn 60 con trâu bò, nhưng được khoán cho các hộ viên chăm sóc, bình quân mỗi hộ xã viên nuôi từ 2-3 con. Bên cạnh phát triển đàn trâu bò, các xã viên cũng nuôi thêm lợn, mỗi hộ gia đình nuôi từ 1-2 con nhưng chủ yếu là để thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước chứ chưa mang lại hiệu quả kinh tế cho nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng *"Phải phân bố hợp lý sức sản xuất ở đồng bằng, trung du và miền núi, điều chỉnh sức người giữa các vùng, quy hoạch từng bước các vùng kinh tế, thực hiện sự phân công phối hợp giữa các vùng kinh tế với nhau"*, năm 1963 theo chủ trương đưa đồng bào miền xuôi đi xây dựng vùng kinh tế mới tại các tỉnh miền núi phía Bắc, xã Quyết Thắng tiếp nhận khoảng 30 hộ đồng bào ở xã Việt Hùng (huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình) lên địa bàn phát triển kinh tế. Các hộ gia đình mới từ dưới xuôi lên đều được nhân dân Quyết Thắng nhiệt tình đón tiếp, giúp lập nhà cửa, sẻ chia cơm áo, ruộng đất canh tác... để sớm ổn định đời sống, hòa nhập với môi trường

mới và được sắp xếp cho ở rải rác các thôn: Khuổi Sa, Nà Lầu, Quan Làng, Bản Mới, Pò Đeng. Tất cả các hộ gia đình từ dưới xuôi lên đều tham gia vào hợp tác xã và rất tích cực trong lao động sản xuất.

Trong nhiệm kỳ công tác giáo dục có nhiều khởi sắc. Các lớp học bổ túc văn hóa tiếp tục được đẩy mạnh, đến năm 1964, xã tổ chức được 7 lớp bổ túc văn hóa với 64 học viên, qua đó góp phần nâng cao nhận thức cho người dân và năng lực lãnh đạo đối với đội ngũ cán bộ. Đối với hệ giáo dục phổ thông, từ năm học 1962-1963, xã có thêm lớp 3 và lớp 4, nâng tổng số lớp học lên 4 lớp, trên cơ sở đó, đến năm học 1963-1964, trường cấp I xã Quyết Thắng được thành lập do thầy Mạc Văn Nhàn làm Hiệu trưởng.

Cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, tệ nạn xã hội ngày càng được đẩy mạnh và có nhiều bước chuyển biến mới. Năm 1962, xã xây dựng được quy ước hạn chế hạn chế tục ma to, cưới lớn và có gần 93% nhân dân tự nguyện tham gia. Song song với đó, phong trào vệ sinh phòng bệnh được Chi bộ đưa vào chương trình hoạt động thường xuyên, vận động nhân dân sửa chữa, đào mới giếng nước, làm mới và đưa chuồng trâu, chuồng lợn cách xa nhà ở. Qua đó, góp phần đảm bảo vệ sinh nơi ở, hạn chế dịch bệnh xảy ra. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng, đội ngũ cán bộ y tế được cử đi học các lớp trung cấp y và bồi dưỡng ngắn hạn.

Nhằm đáp ứng đòi hỏi cấp thiết của tình hình chiến sự, nhiệm vụ quân sự hóa được Chi ủy, chính quyền đặc biệt coi trọng. Lực lượng dân quân được tăng cường về

cả số lượng và chất lượng, được biên chế sắp xếp phù hợp với yêu cầu sẵn sàng chiến đấu. Trong 5 năm (1961-1965), lực lượng dân quân tự vệ của xã luôn được duy trì trong khoảng 80-85 người và do đồng chí Luân Hùng Tiến làm Xã đội trưởng. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và đảm bảo sự thống nhất về công tác tư tưởng trong lực lượng dân quân tự vệ, đồng chí Bí thư Chi bộ trực tiếp giữ vai trò Chính trị viên Xã đội; đồng chí Xã đội trưởng là Chi ủy viên hoặc thành viên Ban Quản trị hợp tác xã.

Từ năm 1961-1965, công tác xây dựng đảng, chính quyền và các đoàn thể được đẩy mạnh hơn nữa để góp sức vào hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965) lần thứ nhất.

Chi bộ đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập về mục đích, ý nghĩa của kế hoạch 5 năm; đường lối, chủ trương của Đảng về mở rộng quy mô hợp tác xã, cải tiến quản lý, phát triển sản xuất, học tập về cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng viên *"4 tốt"*, học tập điều lệ Đảng... Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và nghị quyết của Đại hội đảng các cấp cũng được Chi bộ tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập đầy đủ, nghiêm túc.

Qua các đợt học tập chính trị, giáo dục tư tưởng, cán bộ, đảng bộ trong Chi bộ đều nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, thấy rõ những thắng lợi đã đạt được, củng cố niềm tin vững chắc vào đường lối lãnh đạo, xây dựng đất nước của Đảng, nhận thức những khó khăn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc kháng chiến chống Mỹ gian khổ, lâu dài của đồng bào ta ở miền Nam. Từ đó, những biểu hiện của chủ nghĩa

cá nhân, tư tưởng nghỉ ngơi, làm lợi cho bản thân được khắc phục, đa số cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần tiên phong, gương mẫu, tích cực lao động, công tác và học tập, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Công tác tuyên truyền, giác ngộ quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng được quan tâm phát triển. Đội ngũ đảng viên đa số là người trẻ tuổi, có nhiều thành tích trong các phong trào địa phương. Công tác phát triển đảng viên không những làm tăng thêm số lượng, chất lượng đảng viên mà còn động viên cán bộ quần chúng tích cực phấn đấu, hăng hái tham gia công tác, nâng cao uy tín và vai trò của Đảng trong nhân dân. Trong những năm 1961-1965, Chi bộ kết nạp được thêm 14 đảng viên mới, toàn Chi bộ có 26 đảng viên. Cùng với công tác phát triển đảng viên, hoạt động kiểm tra kỷ luật trong Đảng được thực hiện nghiêm túc. Những đảng viên ý thức kém, sai phạm nhiều lần qua giáo dục không tiến bộ đều bị Chi bộ kiên quyết xử lý.

Cùng với tổ chức Đảng, bộ máy chính quyền xã thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nhân dân Quyết Thắng đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã năm 1961 nhiệm kỳ 1961-1965 trong bầu không khí tự do, dân chủ. Trong phiên họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân xã đã bầu đồng chí Lăng Văn Phúc giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Căn cứ theo Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp của Quốc hội (27/10/1962), Hội đồng nhân dân xã Quyết Thắng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đối với các vấn đề kinh tế, văn hóa - xã hội của

địa phương. Ủy ban hành chính địa phương chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết của tổ chức Đảng, Hội đồng nhân dân về phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội; giúp đỡ các hợp tác xã xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, lãnh đạo nhân dân bảo vệ an ninh, tài sản chung của Nhà nước, nhân dân, xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân và thi hành các công tác quân sự khác.

Trong khi Chi bộ và nhân dân địa phương đang ra sức phấn đấu hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế, văn hóa- xã hội của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất thì đế quốc Mỹ tiếp tục leo thang chiến tranh với chiến lược *"Chiến tranh cục bộ"* ở miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc. Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ, nhân dân Tú Trĩ đã chuyển mọi hoạt động sang thời chiến; vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đồng thời tiếp tục chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

II. VỪA SẢN XUẤT VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, GÓP PHẦN CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM (1965-1975)

1. Chi bộ Tú Trĩ lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, góp sức cho tiền tuyến miền Nam (1965-1972)

Năm 1965, đế quốc Mỹ đổ quân trực tiếp vào miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (3/1965) đã xác định: Nhiệm vụ cấp bách của nước ta ở miền Bắc lúc này là phải kịp thời

chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho hợp với tình hình mới và để cho miền Bắc có đủ sức mạnh nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ miền Bắc... và đáp ứng yêu cầu chi viện to lớn cho cách mạng miền Nam trong tình hình mới[1].

Để lãnh đạo có hiệu quả nhân dân Tú Trĩ chuyển hướng các hoạt động sản xuất sang thời chiến, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và chi viện cho tiền tuyến miền Nam, trong giai đoạn 1965-1968, Chi bộ Tú Trĩ đã tổ chức 2 kỳ đại hội vào năm 1965 (nhiệm kỳ 1965-1967) và năm 1967 (nhiệm kỳ 1967-1969). Các kỳ Đại hội đã thể hiện sự quyết tâm và đoàn kết của toàn thể chi bộ và nhân dân Tú Trĩ với sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Trong hai nhiệm kỳ, đồng chí Hứa Luân Thượng được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ.

Trước yêu cầu cấp bách, khẩn trương của nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và tình hình thực tiễn của địa phương, Chi ủy tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ địa phương đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ là kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất và huấn luyện, vừa đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế vừa không ngừng nâng cao kỹ, chiến thuật đảm bảo sẵn sàng chiến đấu. Được sự giúp đỡ về chuyên môn của Tỉnh đội, lực lượng dân quân tự vệ của xã đã tổ chức huấn luyện đầy

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 26, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 110.

đủ theo nội dung yêu cầu; trong các đợt kiểm tra, đánh giá của Tỉnh đội đều đạt 100% yêu cầu và được xếp loại khá. Không chỉ hoàn thành tốt công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, lực lượng dân quân của xã cùng với dân quân toàn huyện Bạch Thông đã khai thác hàng nghìn cây tre, gỗ, đào đắp trên 7.000m^3 đất đá xây dựng công sự trận địa đánh trả máy bay địch.

Từ ngày 5/9/1965, máy bay Mỹ bắt đầu ném bom Bạch Thông, đến tháng 11/1967, chúng đã đánh phá 25 trận, ném xuống địa bàn 446 quả bom phá, 89 quả bom bi mẹ, bắn hàng trăm quả tên lửa, giết hại 28 người, làm bị thương 68 người, phá hủy 124 ngôi nhà. Do vậy song song với nhiệm vụ xây dựng, bố trí lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, ngày 25/3/1967, Tỉnh ủy ra chỉ thị *"Một tháng công tác phòng không nhân dân"*. Sau khi có chỉ thị, cấp ủy Đảng, chính quyền cùng với các ban ngành đoàn thể Tú Trĩ đã tổ chức cho nhân dân học tập, quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân và chủ trương của tỉnh về sơ tán nhân dân, của cải vật chất để hạn chế tối đa thiệt hại về người và của. Trong 3 năm (1965-1967), nhân dân Tú Trĩ cùng với quân dân toàn huyện đào được 661 hầm ở công cộng, 1.381 hầm trú ẩn gia đình, 25 giao thông hào. Các quy định về công tác phòng không, sơ tán được nhân dân tự giác chấp hành và thực hiện nghiêm túc.

Đi đôi với nhiệm vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, trong giai đoạn 1965-1968, nhân dân Tú Trĩ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh tế.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh và nghị quyết của Đảng bộ Bạch Thông *"Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, cây công nghiệp tăng, bảo vệ sản xuất tốt, chiến đấu anh dũng và tổ chức đời sống tốt"*, Tú Trĩ từng bước đưa sản xuất nông nghiệp của xã phát triển về cả diện tích, năng suất các loại cây trồng. Trong canh tác lúa nước, các biện pháp kỹ thuật về thâm canh, các giống lúa mới cho năng suất cao như Nam Ninh, Bao Thai, Mộc Tuyền, Chân Trâu lùn... được áp dụng rộng rãi. Bên cạnh trọng tâm đầu tư phát triển lúa nước, diện tích trồng ngô, sắn trên địa bàn xã được mở rộng; bình quân mỗi năm Tú Trĩ trồng được từ 10.000-11.000 gốc sắn. Tổng sản lượng hoa màu hàng năm của xã dao động từ 220-250 tấn/năm.

Thực hiện chủ trương đưa các hợp tác xã bậc thấp lên hợp tác xã bậc cao, năm 1965, các hợp tác xã Pò Đeng, Phiêng Mòn, Cốc Nao, Nà Tà hợp nhất lại thành hợp tác Bình Môn; các hợp tác xã Pác Kéo, Bản Mới, Nà Lầu hợp nhất thành hợp tác xã Phúc Hòa và hợp tác xã Quan Làng: Quan Làng, Cốc Bằng, Khuổi Sla, Nà Phát.

Từ năm 1967, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy *"Toàn Đảng, toàn dân làm công tác thủy lợi"*, Ban quản trị của các hợp tác xã Bình Môn, Phúc Hòa, Quan Làng đã cùng với đoàn lãnh đạo huyện và Ban quản trị của các hợp tác xã trên địa bàn huyện đi tham quan hai huyện Đồng Hỷ và Đại Từ, nơi có phong trào thủy lợi nhất của tỉnh Bắc Thái. Qua đợt tham quan, học tập này Ban quản trị của các hợp tác xã ở Tú Trĩ đã học tập được nhiều kinh nghiệm trong phát triển công tác thủy lợi phục vụ sản xuất.

Cùng với phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, xã Tú Trĩ thành lập được thêm hợp tác xã mua bán do ông Trần Văn Lịch làm cửa hàng trưởng và hợp tác xã tín dụng do ông Lăng Văn Phúc làm Chủ nhiệm. Hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán đều thực hiện tốt vai trò tạo nguồn vốn và hậu cần phục vụ sản xuất và đời sống. Hợp tác xã tín dụng huy động được nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân và vốn tín dụng của ngân hàng huyện cho các hợp tác xã vay để phát triển sản xuất và chăn nuôi. Hợp tác xã mua bán chủ yếu thực hiện chức năng phân phối, lưu thông hàng hóa phục vụ đời sống nhân dân bằng tem phiếu; hàng hóa chủ yếu là các mặt hàng do Phòng Thương nghiệp huyện phân phối theo tiêu chuẩn như: muối, dầu hỏa, giấy viết, vải bằng tem phiếu và một số mặt hàng thiết yếu khác như diêm, nước mắm, xà phòng.

Mặc dù bị chiến tranh phá hoại song trên mặt trận văn hóa - xã hội vẫn đạt được những kết quả tốt. Trong giáo dục. Phong trào bổ túc văn hóa ngày càng phát triển mạnh trong các cơ quan, đoàn thể và lực lượng dân quân tự vệ. Các đồng chí cán bộ chủ chốt của xã như Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã được tham dự các lớp bổ túc văn hóa do huyện tổ chức. Công tác văn hóa thông tin được tăng cường; từ năm 1966, Tú Trĩ đã thành lập Ban Thông tin văn hóa, góp phần giáo dục, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; nêu cao tinh thần yêu nước, củng cố quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Về công tác xây dựng Đảng, trong những chiến tranh cuộc vận động xây dựng Chi bộ và đảng viên *"4 tốt"* tiếp tục được triển khai và phát huy hiệu quả. Các cán

bộ, đảng viên luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, gương mẫu trong công việc, tích cực tham gia sản xuất, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu. Tinh thần, trách nhiệm trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật trong Đảng ngày càng được củng cố. Tuy nhiên công tác giáo dục đảng viên mới đạt kết quả không cao, chưa sâu rộng, nhiều đảng viên có tư tưởng bảo thủ, quan liêu, mệnh lệnh, chưa thật sự sâu sát với quần chúng.

Song song với công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể cũng được củng cố và phát triển. Thực hiện Chỉ thị số 143-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, nhân dân Tú Trĩ đã tích cực tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã. Trong phiên họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân xã đã bầu đồng chí Lục Vi Lợi giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính. Về phía đoàn thể, các phong trào *"Ba sẵn sàng"* của Đoàn Thanh niên; *"Ba đảm đang"* của Hội Phụ nữ được triển khai rộng khắp đã thu hút đông đảo nhân dân Tú Trĩ tham gia và để lại những dấu ấn tích cực trong lao động sản xuất, công tác, học tập và sẵn sàng chiến đấu.

Không chỉ lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Chi bộ còn lãnh đạo nhân dân Tú Trĩ làm tròn nghĩa vụ hậu phương đối với đồng bào miền Nam. Trong 4 năm (1965-1968), Tú Trĩ đã có 23 thanh niên lên đường nhập ngũ, bình quân mỗi năm Tú Trĩ có 5 thanh niên lên đường nhập ngũ, riêng năm 1966 xã có 7 người nhập ngũ. Bằng

biện pháp *"Ba cử, hai nguyện"* (Đảng, Đoàn, hợp tác xã cử; bản thân, gia đình tự nguyện), hàng năm xã đều hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu tuyển quân được huyện giao.

Bị thất bại nặng nề trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc và chiến lược *"Chiến tranh cục bộ"* ở miền Nam, ngày 1/11/1968, tổng thống Mỹ Giôn-xơn buộc phải tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ ta tại Pari. Tranh thủ thời gian hòa bình, Chi bộ xã Tú Trĩ tăng cường lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố hậu phương vững mạnh và tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam.

Sau khi tổng thống Mỹ tuyên bố chấm dứt ném bom hoàn toàn miền Bắc, ngày 3/11/1968 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước anh dũng tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, Người nhấn mạnh: Quân và dân miền Bắc quyết ra sức thi đua yêu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ của mình đối với đồng bào miền Nam ruột thịt, luôn luôn nâng cao cảnh giác, tự lực cánh sinh, tăng cường lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu mới của địch.

Năm 1969, Chi bộ Đảng Tú Trĩ tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1969-1971. Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: không ngừng củng cố quan hệ sản xuất mới, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp, xây dựng hậu phương vững mạnh, làm tròn nhiệm vụ cho tiền tuyến, củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu nếu đế quốc Mỹ đánh phá trở lại. Đại hội bầu Ban Chi ủy

do đồng chí Hứa Luân Thượng giữ chức Bí thư Chi bộ. Cũng trong năm 1969, thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chỉ thị của Huyện ủy về bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp (cấp xã và cấp huyện), tháng 4/1969 nhân dân Tú Trĩ đã đi bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 1969-1971. Trong kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân, đồng chí Lục Vi Lợi được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Sau khi được kiện toàn, Chi ủy đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị rộng rãi để ổn định tư tưởng của nhân dân, nêu bật những thắng lợi của địa phương cũng như quân, dân hai miền; động viên nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, địch họa, tranh thủ khôi phục kinh tế... Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy về *"đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh"*, các hợp tác xã Phúc Hòa, Bình Môn tiến hành mở rộng thêm nghề rừng và chăn nuôi để trở thành ngành sản xuất chính, góp phần nâng cao đời sống nhân dân.

Trong công tác quân sự địa phương, quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương về nhiệm vụ quân sự trong tình hình mới và nghị quyết chuyên đề của Huyện ủy Bạch Thông về nhiệm vụ công tác quân sự địa phương, lực lượng dân quân tự vệ của xã được củng cố, tăng cường theo hướng tinh giảm số lượng nhưng nâng cao chất lượng chiến đấu, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống khẩn cấp và được biên chế thành 1 đại đội do đồng chí Hoàng Văn Định chỉ huy. Các chương trình huấn luyện

được tổ chức chặt chẽ và đúng kế hoạch theo hướng nâng cao chất lượng, sẵn sàng chiến đấu; trong các đợt kiểm tra của Huyện ủy theo phương châm *"chống lỏi, xóa yếu"*, lược lượng dân quân tự vệ của xã đều đạt yêu cầu 100%.

Giữa lúc nhân dân cả nước đang tập trung mọi nỗi lực đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, khắc phục hậu quả chiến tranh và đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao… thì vào ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta qua đời tại Hà Nội để lại tổn thất vô cùng to lớn với toàn Đảng, toàn dân. Cùng với nhân dân cả nước, ngày 4/9 cấp ủy Đảng và nhân dân Tú Trĩ đã tổ chức lễ truy điệu trọng thể với lòng thành kính biết ơn sâu sắc trước những công lao to lớn của Người đối với dân tộc.

Để nghi nhớ công ơn của Người, ngày 29/9/1969, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 173-CT/TW *"Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh"* mở đợt sinh hoạt chính trị rộng rãi trong toàn Đảng toàn dân, toàn quân. Biến đau thương thành hành động cách mạng, cuối năm 1969, thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy, toàn Chi bộ, chính quyền, các ban ngành đoàn thể và nhân dân Tú Trĩ nghiêm túc tổ chức các đợt học tập Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua các đợt sinh hoạt, vai trò lãnh đạo của Chi bộ, tính tiên phong, gương mẫu, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong của cán bộ, đảng viên có được nâng cao; các phong trào thi đua lập công dâng lên Bác trong lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu được các tầng lớp nhân dân, cán bộ hưởng ứng sôi nổi và mạnh mẽ.